

THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
CÔNG HẠNH BA LA MẬT

Thích Nữ Ngọc Duyên biên soạn

Lưu ý: Đọc với phông chữ [VU Times](#) (Viet-Pali Unicode)

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

- [\[01\]](#) Công hạnh Ba la mật
 - Bồ Tát *Vessantara* hành pháp Bồ thí
 - Bồ Tát *Bhūridatta* hành pháp Trì giới
 - Bồ Tát *Temiya* hành pháp Xuất gia
 - Bồ Tát *Mahosatttha* hành pháp Trí tuệ
- [\[02\]](#) Bồ Tát *Janaka* hành pháp Tinh tấn
 - Bồ Tát *Canda* hành pháp Nhẫn nại
 - Bồ Tát *Vidhura* hành pháp Chân thật
 - Bồ Tát *Nemirāja* hành pháp Chí nguyện
 - Bồ Tát *Suvannasāma* hành pháp Từ ái
 - Bồ Tát *Nārada* hành Xa Ba la mật

*

Lời Giới Thiệu

Tập Kinh "Công Hạnh Ba La Mật" được biên thảo từ quyển Thập Độ (Dasa pāramī) của các Bậc Đại Trưởng Lão.

Tập kinh này đã được xếp đặt và phân loại theo 10 cách thực hành, tu chứng của Bồ Tát. Trong những tiền kiếp của Ngài, đều có nêu gương chỉ thiện mà Phật tử cần phải hiểu biết cho tinh tường.

Chúng tôi có kèm theo những bức tranh của lịch sử ở Quốc Giáo Miến Điện (Myanmar). Chúng tôi hy vọng tập kinh này thay cho lời cầu nguyện ở đất nước, xứ miền, mà chúng tôi đã sinh ra.

Với lòng tôn kính của chúng tôi đối với các bậc Trưởng lão, cùng chư Phật tử gần xa, đã nung đúc tinh thần chúng tôi hoàn thành tập kinh này một cách hoàn thiện, trong sự dịch thuật trước đó.

Mong tất cả chư vị Phật tử sẽ hiểu thấu những "Pháp Độ", tinh tấn thực hành theo để đạt được những lợi ích tối cao, ngõ hầu tìm ra ánh sáng sớm đạt được cứu cánh giải thoát.

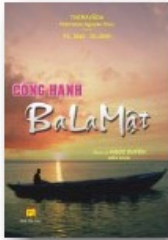
Tịnh Thất Siêu Lý
Thích Nữ Ngọc Duyên
PL. 2549 - DL. 2005

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [01](#) | [02](#)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

last updated: 24-06-2005



THERAVĀDA PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY CÔNG HẠNH BA LA MẬT

Thích Nữ Ngọc Duyên biên soạn

Lưu ý: Đọc với phông chữ [VU Times](#) (Viet-Pali Unicode)

Công hạnh Ba la mật

Đệ tử kính đánh Lễ Tam Bảo
(Ratanattayam vandāmi)

Phạn ngữ *Pāramī* hay Ba la mật hoặc đạo bỉ ngạn, nghĩa là đến bờ kia.

Ba la mật là nhân duyên chính để dẫn đến sự chứng ngộ Níp Bàn cao thượng, là pháp của các bậc cao nhân, là con đường đi của đấng Giác ngộ:

- Chư Phật Chánh Đẳng Giác A La Hán (*Sammāsambuddha*).
- Chư Phật Độc Giác A La Hán (*Pacceka-buddha*).
- Chư Thánh Thanh văn Giác A La Hán (*Savaka-buddha*).

Những người tu Phật, nếu muốn thành một trong ba "*bậc giác*" ấy, đều tùy thuộc vào sự tạo đầy đủ mười pháp hạnh "*Ba la mật*", cần phải một lòng tinh tấn tu tập cho được viên mãn, bằng chẳng vậy thì không thể đắc Đạo quả Níp Bàn được.

Không phải sự *Bố thí*, *Trì giới*, *Xuất gia*,... nào cũng trở thành Ba la mật được. Điều kiện để trở thành Ba la mật phải có thiện tâm hoàn toàn trong sạch, và không bị ô nhiễm bởi "*Tham ái*, *Ngã mạn*, *Tà kiến*", đồng thời hợp với *tâm Đại Bi* và *Trí tuệ* hướng đến chứng đạt cứu cánh Níp Bàn. Nhờ hợp đủ điều kiện như vậy, thì sự *Bố thí*, *Trì giới*, *Xuất gia*, ..., mới đạt thành *Ba la mật*.

Mười công hạnh Ba la mật là:

1. *Bố thí Ba la mật (Dāna pāramī)*: Đem của cải hoặc Phật pháp ban bố cho chúng sanh.
2. *Trì giới Ba la mật (Sīla pāramī)*: Gìn giữ những điều luật của Đức Phật đã ban hành, tức gìn giữ thân, khẩu, ý được trong sạch.
3. *Xuất gia Ba la mật (Nekkhamma pāramī)*: Sự dứt bỏ vợ, con, của cải để đi tìm đạo đức cao thượng.
4. *Trí tuệ Ba la mật (Paññā pāramī)*: Thông suốt tất cả các pháp.

5. *Tinh tấn Ba la mật (Viriya pāramī)*: Một lòng cố gắng tu hành, vượt qua tất cả mọi khó khăn để đạt được mục đích cao thượng.

6. *Nhẫn nại Ba la mật (Khamtī pāramī)*: Cố gắng chịu đựng, dần lòng sân hận những điều nghịch ý.

7. *Chân thật Ba la mật (Sacca pāramī)*: Tránh xa lời nói giả dối.

8. *Quyết định Ba la mật (Adhiṭṭhānā pāramī)*: Có chí hướng không thay đổi.

9. *Từ ái Ba la mật (Mettā pāramī)*: Lòng nhân ái, thương người mong cho tất cả mọi loài được an vui.

10. *Hành Xả Ba la mật (Upekkhā pāramī)*: Không vui không buồn, không cố chấp, có tâm bình đẳng.

Những bậc có đủ mười pháp Ba la mật ấy, dù là bậc thấp, bậc trung, bậc cao, đều gọi là *Bồ Tát (Bodhisatta)*. Vị này sẽ giác ngộ pháp tối cao không thể so sánh được, sẽ thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Vị Bồ tát nào khi đã nhận được lời tiên tri của chư Phật rằng sẽ thành Phật ở vị lai, thì phải có đủ 8 yếu tố như sau:

1. Phải là nhân loại.

2. Phải là người nam.

3. Phải có đủ Ba La Mật để đạt trạng thái A La Hán trong khi lắng nghe một câu kệ ngắn liên quan đến Tứ Đế. Điều này có nghĩa là Ngài phải tu thiền quán thông suốt đến tuệ hành xả.

4. Phải có một vị Phật đang hiện hữu.

5. Ngài phải tu ắt dật, hay là một vị tỳ kheo.

6. Phải đạt được phẩm hạnh cao quý, nghĩa là phải đạt 5 *thắng trí* và 8 *thiền chứng* (5 *thắng trí*: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Thần túc thông và Túc mạng thông; 8 *thiền chứng*: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Thiền Không Vô biên, Thức Vô Biên, Vô Sở Hữu và thiền Phi Tướng phi phi tướng).

7. Có sự hiển danh cực kỳ cao cả, nghĩa là vị ấy phải thực hành tròn đủ 30 pháp Ba la mật để đạt đến tuệ toàn giác ở kiếp sau, nên Ngài mới nhận được lời tiên tri chắc chắn từ một vị Phật. Vị nào được thọ ký *Toàn giác*, vị ấy đã gieo những hạt giống Minh và Hạnh cho tuệ toàn giác trong giáo pháp của vị Phật quá khứ.

Theo lịch sử, Hoàng tử Sĩ Đạt Đa (Siddhattha), đã thực hiện lời nguyện cho tuệ toàn giác tương lai, lời nguyện ấy đã có trong sự hiện diện của hàng tỷ vị Phật, và Ngài đã tu tập tất cả pháp Ba la mật dưới sự hướng dẫn của những vị Phật đó.

8. Vị Bồ Tát đã có một ước nguyện mạnh mẽ để đạt được tuệ toàn Giác, dù phải bước lên đồng than hồng cũng không nao núng.

Tám yếu tố này luôn có trong Bồ tát, nên Ngài mới nhận được lời tiên tri khẳng định ấy. Lời tiên tri khẳng định là không một ai có thể thay đổi được. Nên còn gọi là xác định Bồ tát.

Chư Phật quá khứ đã thấy được 8 yếu tố trên, và biết rằng vị Bồ Tát này sẽ đạt được tuệ toàn Giác, cho nên mới thọ ký lời khẳng định rằng vị ấy sẽ chứng đắc Chánh Đăng Giác trong tương lai.

Người có một nguyện vọng, hoặc một ước mơ thì những sự kiện này chưa đủ để đạt được tuệ toàn Giác.

Khi vị Bồ tát nhận được lời tiên tri khẳng định ấy, thì 8 yếu tố vừa nêu trên phải sẵn có trong vị ấy. Lại nữa, lời tiên tri của chư Phật quá khứ không tạo được một hạnh kiểm hay đức tính để thành vị Phật, và ngay sau lời tiên tri đó vị Bồ tát phải tiếp tục hoàn thiện mười Ba la mật dựa trên 3 bậc, "*bồ bên, bồ trên, bồ cao thượng*".

Đây là những nghiệp thiện cao quý nhất mà các vị Bồ tát phải viên mãn bằng cách từ bỏ tài sản, vợ con, tứ chi và sanh mạng của mình đứng chánh pháp.

Nếu chúng ta có thể tròn đủ Ba la mật, thì chúng ta cũng sẽ nhận được lời tiên tri khẳng định từ một vị Phật và sẽ đắc tuệ Toàn giác trong tương lai.

- *Để trở thành bậc Thánh Thanh Văn*: Vị Thánh Thanh Văn Bồ Tát ấy cần phải tạo đầy đủ mười công hạnh Ba la mật bồ bên, trong suốt thời gian nhanh nhất cũng gần một A tăng kỳ và 100 ngàn Đại kiếp.

- *Để trở thành bậc Độc Giác Phật*: Vị Độc Giác Bồ Tát ấy cần phải tạo đầy đủ 20 công hạnh Ba la mật: *10 Ba la mật bồ bên và 10 Ba la mật bồ trên*, trong suốt thời gian 2 A tăng kỳ.

- *Để trở thành một vị Phật Toàn Giác hay Chánh Đăng Giác*: Vị Chánh Đăng Giác Bồ Tát ấy cần phải tạo đầy đủ 30 công hạnh Ba la mật: *10 Ba la mật bậc hạ, 10 Ba la mật bậc trung và 10 Ba la mật bậc thượng*.

Thời gian để tạo 30 công hạnh Ba la mật ấy khác nhau, tùy theo ba hạng Bồ Tát như sau:

- Đối với *Đức Bồ Tát có trí tuệ* ưu việt nghĩa là *Trí tuệ* có năng lực trội hơn cả *Đức tin* và *Tinh tấn*. Khi Đức Bồ Tát đã được Đức Phật thọ ký xong rồi, còn cần phải tạo 30 công hạnh Ba la mật thêm trong suốt 4 A tăng kỳ và 100 ngàn đại kiếp .

- Đối với *Đức Bồ Tát có Đức tin* ưu việt, nghĩa là *Đức tin* có năng lực ưu việt hơn *Trí tuệ* và *Tinh tấn*. Sau khi Đức Bồ Tát đã được Đức Phật thọ ký xong rồi, còn cần phải tạo 30 công hạnh Ba la mật thêm trong suốt thời gian gấp đôi Đức Bồ Tát có *Trí tuệ*, là 8 A tăng kỳ và 100 ngàn đại kiếp.

- Đối với *Đức Bồ Tát có sự Tinh Tấn* ưu việt, nghĩa là *Tinh tấn* có năng lực ưu việt hơn *Trí tuệ* và *Đức tin*. Sau khi Đức Bồ Tát đã được Đức Phật thọ ký xong rồi, còn cần phải tạo 30 công hạnh Ba la mật thêm trong suốt thời gian gấp đôi Đức Bồ Tát có *Đức tin* ưu việt, là 16 A tăng kỳ và 100 ngàn đại kiếp.

Đức Phật Gotama của chúng ta, thuộc Bồ Tát có trí tuệ.

Lưu ý rằng, những bậc A La Hán Thánh Văn dù có thần thông biết quá khứ, biết vị lai cũng không tiên tri được, vì năng lực thần thông của các bậc ấy chỉ thấy được tương lai trong vài kiếp mà thôi, vì các vị ấy không thấy nhiều A tăng kỳ kiếp, hoặc nhiều đại kiếp, bởi vì *Thần Thông lực* và *Tuệ lực* của các Ngài không bằng vị Phật Toàn giác.

Mười Pháp độ để đi đến sự giác ngộ *Chánh Đẳng Giác* hay công hạnh *Ba La Mật*, trong quyền kinh này, chúng tôi muốn mô tả phẩm hạnh của Bồ Tát, nay là Đức Phật *Chánh Đẳng Giác Gotama*. Khi Ngài còn luân hồi, có kiếp là Chư Thiên, có kiếp là người, có kiếp là bàng sanh. Ngài đã ngừng nghĩ cũng cố mục đích to lớn, qua nhiều kiếp sống, và tự mình đạt được đạo quả Toàn Giác bằng cách thực hành tròn đủ ba mươi công hạnh Ba la mật .

-ooOoo-

1- BỒ TÁT *VESSANTARA* hành pháp BỒ THÍ BA LA MẬT *DĀNA PĀRAMĪ*

1. Dāna Pāramī:

Sự dớt bỏ tài vật ngoài thân nhất là tài sản, vợ con, để cho ra, gọi là bồ thí đến bờ bên.

2. Dāna upapāramī:

Sự dớt bỏ tứ chi lớn nhỏ trong thân thể của Ngài để cho ra, gọi là bồ thí đến bờ trên.

3. Dāna Paramattha Pāramī:

Sự dớt bỏ về sanh mạng của Ngài để cho ra, gọi là bồ thí đến bờ cao thượng.

Câu chuyện hiện tại:

Trong thời kỳ Đức Thế Tôn đã có muôn vị A La Hán là bậc vô lậu làm đồ đệ. Ngài hóa thân thông lạ thường để tiếp độ thân quyến trong thành Ca Tỳ La Vệ (*Kapilavasthu*). Trong giờ ấy, có đám mưa to lớn lạ thường như thác đổ, nhưng chẳng có một ai bị ướt. Tất cả Hoàng gia đều hết lòng kính phục uy đức của Phật, đồng quỹ lay không còn ngã mạn, tà kiến như trước.

Sau đó Đức Phật nói rằng: "Này các tỳ kheo, chẳng phải chỉ có đám mưa lạ thường trong kiếp này đâu, thuở xưa đã có như vậy, chỉ do sự "bồ thí" của Ngài mà khiến quả địa cầu rung động."

Câu chuyện quá khứ:

Trong thời quá khứ đã qua, có một Đức vua hiệu là *Srisaṅkaya* làm vua trong một nước lớn tên là *Jetuttara*, là hoàng tử của Đại vương *Sivi*. Bà Hoàng hậu tên *Supārasuppati* là công chúa con của Đức vua *Nadda*. Nguyên nhân bà được tên *Suparati* bởi vì kiếp trước bà đã làm phước bồ thí bột lỏi trầm hương dâng đến Đức Phật *Vipassī*. Kể từ kiếp ấy, bà chết và tái sanh trong cõi nhân gian hoặc Chư Thiên, thân sắc bà hằng có hương thơm như lỏi chiên đàn trầm hương trong mỗi kiếp. Kể đó bà được làm Hoàng hậu của Đức vua trời nơi cõi Đạo Lợi. Đức Đế Thích mới ban

cho bà cái tên *Supāra Suppati Depakanna* như thế. Đến khi gần hết tuổi thọ, đức Đế Thích là chồng ban cho bà mười điều hạnh phúc, bà bèn hoan hỷ cầu xin như vậy:

1. Xin cho được làm Hoàng hậu của Đức vua Srisaṅjaya trị vì trong xứ lớn Jetuttara.
2. Xin cho có cặp mắt đen huyền và cặp lông mày kiều diễm.
3. Xin cho được tên như cũ.
4. Xin cho được con trai có trí tuệ và đức tin, là nơi nương nhờ đến kẻ khác và cô bản hết thấy.
5. Nếu có thai xin cho bụng đừng lớn hơn ngày thường.
6. Xin cho đôi nhũ của tôi vừa vặn và đẹp mãi mãi.
7. Xin cho tóc vẫn đen óng ánh luôn khi dùng bạc.
8. Xin cho sắc thân đẹp như màu vàng mà người thợ đánh bóng luôn khi.
9. Xin cho tôi có uy thế để ân xá tội nhân cho khỏi khổ theo ý muốn.
10. Xin cho tôi được nghe tiếng thanh tao của loài chim công, chim Oanh vũ, ... ở gần chỗ ngủ luôn khi và xin cho được thân cận các bậc trí thức để giải đáp những thắc mắc, nghi ngờ của tôi.

Lúc bà ngọc nữ thiên hậu *Supāra Suppati* thọ 10 điều hạnh phúc rồi thì mệnh chung ở cõi Trời, được tái sanh vào lòng Hoàng hậu của Đức vua *Madda* tròn đủ mười tháng thì sanh ra có mùi thơm trầm hương và có sắc thân xinh đẹp lạ thường và được tên *Supārasuppati* như cũ. Lúc nàng 16 tuổi thì Đại vương Sivi đem nàng lại sánh hôn cùng Đông Cung *Sanjayava*, về sau làm vua trong xứ *Jetuttara* có hơn một muôn 6 ngàn cung nga hầu hạ.

Khi ấy Đức vua trời Kosiya xem thấy nàng *Suparāsuppati* được thành tựu mọi điều hạnh phúc cả, nhưng chỉ thiếu điều hạnh phúc thứ tư là được con trai có trí tuệ đầy đủ và có đức tin. Đức Đế Thích liền ngự đi mời đức Bồ Tát là một vị thiên tử, cầu xin Ngài giáng thế để bồi bổ Ba La mật trong cõi người đang làm con thuyền đưa chúng sanh qua bờ kia. Đức Bồ Tát nhận lời thỉnh cầu, liền hạ sanh vào bào thai Hoàng hậu *Supārasuppati*. Kể từ lúc thọ thai thì bà chỉ muốn bồ thí, muốn làm việc lành và trong mỗi ngày bà xuất ra hết 6 úc (60 muôn) lượng vàng để giúp đỡ những người già cả, bệnh tật, Sa Môn và Bà La Môn.

Các thầy chiêm tinh đoán rằng: Hoàng hậu có con trai là người có phước và có đức tin lạ thường không một kẻ nào so sánh được. Lúc Hoàng hậu đã mang thai 10 tháng thì sanh đức Đông Cung thái tử, Vua đặt tên là *Vessantara* vì Ngài sanh ra giữa đường của nhóm lái buôn. Thưở đó ở cõi trời có 6 muôn Chư Thiên cũng giáng sanh vào lòng của các người vợ thị thần cùng một lượt để làm tùy tùng của đức Bồ Tát cả thầy.

Đức Bồ tát hằng dùng tài sản để bố thí trong mỗi ngày một trăm ngàn đồng (*Kahāpana*). Đến khi được 8 tuổi Ngài nghĩ rằng ta phải làm việc bố thí, kẻ nào đến xin thân thể tứ chi lớn nhỏ, thì ta sẽ lột thịt, khoét mắt, mổ ngực, lấy lá gan để bố thí đến kẻ xin ấy. Do oai lực của tâm nguyện ấy khiến cho địa cầu phải rung chuyển.

Thời ấy có một con voi mẹ từ không trung bay xuống dẫn một con bạch tượng con tên *Paccayanagena* lại dâng, làm thừa vật quý báu hơn tất cả các thừa vật khác.

Đến lúc được 16 tuổi, Ngài suốt thông 3 bộ kinh Phê Đà. Đức vua truyền ngôi vua cho con và tôn *Madrī* làm Hoàng hậu, khi ấy có hơn một muôn 6 ngàn cung nga làm tùy tùng.

Đức Bồ Tát chung sống với Hoàng hậu sanh được 2 Hoàng nhi: Đồng Cung anh tên *Jālī*, công chúa em tên *Kanhā*. Bồ Tát có tâm rộng lớn, Ngài thí quốc sản mỗi ngày hằng ức lượng vàng cho đủ cả 6 phước xá.

Ngày nọ Bồ Tát đang ngự trên voi *Paccayanagena* đi xem xét 6 nhà bố thí, thoát nhiên có nhóm Bà La môn xứ *Kālīnga* lại xin con voi báu, Ngài bèn thí voi luôn cả đồ trang sức ước tính 2 triệu 8 ức lượng vàng và thêm 500 người nài nữa. Thấy thế toàn dân bất mãn phục tâu xin Đức vua cha đầy Bồ Tát ra khỏi quốc độ trong ngày ấy vì sợ tiêu hủy quốc sản sẽ có hại.

Bồ Tát nghe Vua cha phán quyết, Ngài vâng lời không buồn phiền, trước khi ra đi Bồ Tát làm đại thí mỗi thứ 100 và 7 lần trọn 3 ngày.

Rồi Ngài vào hậu cung cho nàng *Madrī* hay rằng: "Tất cả của cải mà ta đã cho nàng để làm hồi môn, nàng hãy cất làm của riêng. Nàng *Madrī* ngạc nhiên hỏi "*Của riêng*" là thế nào?

- "*Của riêng*" là nàng làm vật thí: như bố thí cơm nước, y phục,..., đến kẻ nghèo đói cơ hàn và cúng dường đến các bậc tu hành, như thế gọi là của chôn cất cao quý, chẳng có chi sợ hãi. Nàng hãy siêng năng tôn trọng phụng dưỡng Phụ Vương và Mẫu Hậu của ta. Nếu có vị vua nào vừa lòng cưới nàng làm Hoàng hậu, nàng phải vâng lời phụng hành theo cho vui lòng vị vua ấy. Riêng ta, sẽ vào rừng làm đạo sĩ.

Nghe thế, nàng *Madrī* xin theo để cùng chia vui cộng khổ với chồng. Rồi Bồ Tát thỏa nguyện ra đi cùng vợ và 2 con.

Đức Bồ Tát ngự đến xứ *Matuttara*, chư Hoàng Đế nước ấy kính lễ thỉnh Ngài hưởng vương vị, Bồ Tát khước từ không nhận lời, hỏi thăm đường xong Ngài từ giả, dẫn vợ con đi tu làm đạo sĩ và đạo sĩ ni ở núi *Girīvankata*.

Bồ Tát đang sống trong rừng trọn 7 tháng, khi ấy có ông Bà la môn *Jūjaka* là người hành khát bị vợ là nàng *Amittadā*, sai ông đến Bồ Tát xin hai trẻ *Jālī* và *Kanhā* con của Bồ tát về làm đầy tớ. Thấy người xin đến gần, Bồ Tát tỏ sự hoan hỷ, Ngài kêu hai trẻ đến rồi Ngài bố thí.

Trong khi ấy các vị trời lo ngại, sợ mẹ của hai trẻ về sớm làm cản trở việc đại thí của Bồ Tát, nên các vị biến hóa làm ác thú ngăn cản nàng *Madrī*, vì muốn cho đức Bồ Tát bố thí Bà la môn được trọn vẹn. Đến chiều khi nàng về được thảo am thấy mất hai trẻ nàng chạy đi kiếm con cả đêm. Nàng đến cốc của đạo sĩ tâu hỏi Đức Bồ Tát về hai trẻ, Ngài không trả lời khiến nàng chết giấc. Thấy thế Bồ Tát mới nói cho nàng biết rằng hai trẻ đã được Ngài bố thí và cả quả đất cùng rừng động trước sự tạo phước của Ngài. Nghe thế, nàng *Madrī* cũng hoan hỷ về sự bố thí con.

Trời vừa sáng, Đức Trời Đế Thích sau khi suy xét sự bố thí cao cả của Bồ tát, nên biến làm người Bà La môn đến xin nàng *Madrī*. Đức Bồ Tát không từ chối liền hoan

hỷ bố thí ngay, hầu bồi bổ *Bồ thí Ba La Mật*. Khi ấy vị chúa tể Chư thiên trên Đạo lợi hiểu rõ sự bố thí Ba La Mật theo chánh pháp của Bồ Tát, khiến tâm của Ngài hoan hỷ tán dương đức Bồ Tát bằng kệ ngôn: "*Ôi! Bạc cao quý, là người đang trau dồi con đường đến cõi trời và Níp Bàn. Nếu hạng người nào dù là Chư Thiên mà có tâm ác, ganh ghét người đang bồi bổ pháp lành, hay đến quấy nhiễu làm cho thí chủ phiền não, phá hoại thiện pháp. Kẻ ấy đang tạo nghiệp ác.*"

Sự bố thí cao thượng này thấu đến cõi trời, khiến địa cầu rung động, ánh sáng chói lòa. Vì khi ấy, Chư Thiên trong các hướng đều cảm phục, các núi to lớn cũng rung rinh với pháp thí Ba la Mật của Bồ Tát. Cho đến Chư Phạm Thiên cũng đồng thanh hoan hỷ với Bồ Tát trong lúc này: "*Ôi! Bạc cao quý, Ngài can đảm dứt trừ tâm oán hận, thí vợ, thí con trong lúc khó khăn, thật là hy hữu.*"

Người phóng tâm nhiều phiền não, thường thiếu nghị lực, không dám làm nghiệp lành, vì pháp của bậc trí là điều khó cho người thường không thể thực hành được. Con đường đi đến kiếp sau của hai hạng người ấy khác nhau rõ rệt.

Sau khi ca ngợi tán dương, Chư Thiên dẫn nàng đi quanh vòng núi rồi đem dâng lại cho Bồ Tát để Ngài có đức tin trong việc bố thí Ba La mật và hiến cho Ngài 8 điều hạnh phúc:

1. Được trở về lên ngôi như cũ.
2. Được tha tội nhân như nguyện
3. Xin cho nam nữ, trẻ già, sang hèn luôn được an lạc.
4. Xin đừng quên mình mà hành động quấy với vợ con người.
5. Xin cho con tôi được nối ngôi hiệp theo mười pháp của vua và được vừa lòng quần chúng.
6. Xin cho thực phẩm luôn đầy đủ theo sở thích không gián đoạn, vừa với tâm bố thí của tôi.
7. Tài vật lấy ở kho ra bao nhiêu để bố thí, vẫn phát sanh đầy như cũ.
8. Xin cho thọ trì giới trong sạch đến hết tuổi thọ, được sanh lên cõi trời không trở lại nữa.

Nói về lão ăn xin, Chư Thiên khiến cho lão lầm lạc dẫn hai trẻ đến kinh đô *Saṅjaya*, Đức vua nhận ra cháu nội của mình, liền chuộc hai trẻ lại. Mỗi trẻ là một ngàn lượng vàng và thêm mỗi thứ đồ dùng là 100 (tổ trai, tổ gái, voi, ngựa...) . Ngoài ra Vua còn ban thêm một dinh thự bảy tầng, bởi công khó của lão đã đem hai trẻ trở về. Lão *Jijaka* được trọng đãi vật thực, ông dùng quá độ đến nỗi bể bụng chết trong khi ấy.

Qua ngày thứ bảy, Đông Cung *Jālī* làm hướng dẫn, chỉ đường Hoàng tử phụ, Hoàng hậu cùng với quan quân đến núi *Girivāṇkata* thỉnh Đức Bồ Tát trở về hưởng vương vị. Đi đến bốn mươi lăm ngày, trải qua mười sáu do tuần mới tới chỗ ngụ của Đức Bồ Tát. Khi ấy, cả sáu Hoàng gia gặp nhau đều than khóc thương cảm nỗi niềm đến bất tỉnh; tất cả quan quân, cung phi mỹ nữ đều cảm động không còn biết gì cả như một

con mê. Trong bầu không khí trang nghiêm và sôi động ấy, khiến tất cả thể giới huyền não, địa cầu lay chuyển, cho đến đỉnh núi Tu Di cũng rung rinh theo pháp Ba la mật.

Bồ Tát nhận chịu trở về làm vua, vì tâm lòng hiếu hạnh và tôn kính đối với ân đức của phụ Hoàng chẳng dám cãi lời. Khi ấy Đức vua *Saṅhaya* cùng quan quân đồng thỉnh đức Bồ Tát *Vessantara* về kế vị như trước. Tại kinh thành tất cả triều thần và dân chúng đều trang hoàng đèn đài nhà cửa, đường sá để cung nghinh đức Bồ Tát. Trong nhân dân, nhất là kẻ nghèo đói, cô độc rất hân hoan nghinh tiếp, vì họ tin rằng sẽ được đức Bồ Tát ban nhiều ân huệ.

Đêm ấy, Bồ Tát nghĩ: "*Sáng mai đoàn ăn xin biết ta đã trở về, sẽ đến tập nập chờ lãnh của bố thí! Như thế của cải đâu cho ta bố thí lúc này?*"

Khi đó, Đức Đế Thích nóng nảy ngồi trên bảo tọa không yên, khi biết rõ ý của Bồ Tát, Ngài liền cho mưa bảy báu rơi xuống để Bồ Tát bố thí thoải mái đến mọi người. Sau đó Bồ Tát lại cho thả tội nhân được tự do như sở thích.

Từ đó Bồ Tát hằng tinh tấn Bồ thí, Trì giới v.v... mong bồ túc pháp Ba-La mật cho viên mãn để được giác ngộ trong ngày vị lai. Bồ Tát sống đến 120 tuổi mới thăng hạ, được sanh lên cõi Đâu Suất (*Tusitā*). Những người thực hành theo lời giáo huấn của Ngài, sau khi mạng chung cũng được sanh lên cõi Đạo Lợi thiên cung tất cả.

-ooOoo-

2- BỒ TÁT *BHURIDATTA* hành pháp TRÌ GIỚI BA LA MẬT *SĪLA PĀRAMĪ*

1. Sīla Pāramī:

Sự trì giới không bị đứt đoạn không bị bội nỡ vì lý do vợ, con, tài sản là vật ngoài thân của Bồ Tát, như thế gọi là trì giới đến bờ kia.

2. Sīla Upapāramī:

Sự trì giới không bị đứt đoạn hoặc không bị bội nỡ vì lý do thân thể của Ngài.

3. Sīla Paramattha Pāramī:

Sự trì giới không bị đứt đoạn hoặc không bị bội nỡ vì lý do sanh mạng của Ngài, như thế gọi là trì giới đến bậc cao thượng.

Câu chuyện hiện tại: Đức Thế Tôn Ngài đề cập đến nhóm cận sự nam, cận sự nữ là những người thọ trì Bát Quan Trai giới.

Một hôm, Đức Phật ngự tại Kỳ Viên Tịnh Xá, kinh đô Sàvatthi. Ngài hỏi Chư thiện tín: "*Hôm nay các người đã thọ Bát Quan trai giới chưa?*"

- *Bạch đức Thế Tôn, Chúng con được thọ Bát Quan trai giới hằng ngày không bỏ qua.*

- Các người nhờ thầy chỉ dạy mới thọ Bát Quan trai giới được, không thấy chỉ lạ thường. Ngày xưa, bậc Trí tuệ không thầy mà vẫn tinh tấn thọ Bát quan trai giới,

không lo ngại đến gia tài, sự nghiệp.

Đức Phật bèn thuyết câu chuyện về đức Bhuridatta .

Câu chuyện quá khứ:

Thưở quá khứ, Như Lai còn là Bồ Tát tái sanh làm Long vương trong cõi rồng.

Tên trước của Bồ Tát được gọi là Datta, về sau lên hầu Đức Đế Thích và giải đáp những câu hỏi rất nhiệm mầu cho Đức vua trời, nên Ngài thỏa thích ban cho Bồ Tát tên mới là *Bhuridatta*, vì là người có trí tuệ hơn tất cả Chư Thiên.

Khi ấy đức Bồ Tát thấy sản vật quý báu của vua trời thăm nghĩ: Lợi ích gì ta còn làm thân bàng sanh (*Tiracchana: làm rồng*) như vậy; ta hãy trở về cõi rồng thọ trì giới hạnh cho trong sạch để hưởng sản vật cao thượng hơn.

Rồi Bồ Tát bèn lễ bái từ biệt Đức vua trời Đế thích trở về cõi rồng, bắt đầu nguyện trì giới Bát quan trai nhưng không được kỹ càng, vì các long nữ cứ hầu hạ phụng sự quá nhiều khó mà định tâm. Vì thế Bồ Tát từ giả Long phụ lên cõi người, rồi đi vòng quanh một cái gò gần mé rạch *Yamanā*. Ngài giữ 10 điều học và lập nguyện chân thật rằng:

- Ta sẽ thọ trì Bát quan trai giới hiệp theo bốn chi cho được kỹ càng, dù cho người nào xúc phạm đến ta hay cần dùng đến xương thịt hay máu da của ta, thì ta vẫn sẵn sàng chấp nhận, không khởi tâm bất bình hay hận thù đối với người ấy.

Thưở đó, có hai cha con thợ săn thường săn bắn trong rừng nghĩ tạm qua đêm tại cây đa gần chỗ Bồ Tát ở. Ngài sợ thợ săn biết được chỗ trú ngụ của mình sẽ nói với thầy bắt rắn đến phá hoại sự trì giới, nghĩ thế Ngài mời hai cha con xuống Long cung ban hiến nhiều báu vật và cho sống trong cung điện sang cả. Do ít phước, nên người thợ săn ở lâu sanh phiền não, nhớ vợ con mong muốn trở về nhân gian. Bồ Tát thấy vậy liền khiến cho bốn người theo hộ tống hai cha con trở về cõi người và ban cho nhiều loại châu báu nữa. Về đến trần gian, hai cha con đi đến gần một ao nước để tất cả đồ vật bên cạnh bờ ao rồi xuống tắm. Bởi phước kém nên những báu vật của Bồ Tát tặng cho hai cha con đều biến mất, không hưởng được. Người thợ săn rất hối tiếc, nên sau đó hai cha con vẫn tiếp tục vào rừng săn bắn như xưa.

Ngày nọ, gặp thầy bắt rắn có ngọc Mani, thợ săn hỏi: Này anh, viên ngọc này rất quý, anh có được từ đâu?

- Tôi được ngọc mani trên bãi biển hồi sáng này.

- Này anh, ngọc mani này rất màu nhiệm, nếu người nào biết gìn giữ chân chánh thì nó đem đến nhiều kết quả tốt, nếu không biết chăm nom thận trọng thì sẽ có hại đến ta. Vậy anh là người ít phước không nên giữ viên ngọc này, hãy bán cho tôi đi.

- Này anh thợ săn, tôi không bán ngọc quý, nếu anh biết chỗ ở của Long Vương, hãy chỉ, tôi sẽ cho anh viên ngọc này.

Lúc ấy con trai của người thợ săn bèn cản ngăn cha:

- Thừa cha, Đức Long Vương Bhūridata là bậc đại ân nhân đối với chúng ta. Cha đừng nên chỉ chỗ của vị ấy, nếu làm như thế, sẽ mang tội xấu xa hèn hạ, sẽ chịu hình phạt nặng nề trong địa ngục.

Người cha bất bình nói:

- Này con, con còn nhỏ mà biết gì. Xưa nay biết bao người thợ săn tạo nhiều nghiệp ác mà họ có chịu khổ chỉ đâu! Nếu có tội, chỉ xuống sông Hằng tắm là hết tội ngay.

Người con không khuyên can cha được, liền tỏ lời tuyệt vọng rồi bỏ đi vào rừng xuất gia làm đạo sĩ.

Khi thợ săn chỉ cho người bắt rắn chỗ ở của Long vương Bồ Tát. Người bắt rắn, thấy Ngài dưới gốc cây, liền kéo ra đâm đập cho xương mềm gãy vụn khiến máu trào ra miệng, xong vạch miệng phun thuốc vào thật đau khổ vô ngần. Với nọc độc Long vương có thể phun ra làm chết cả làng hay thị trấn, nhưng Bồ Tát không sân hận, bất bình. Ngài tưởng đến lời phát nguyện rồi nhắm mắt nằm im không cử động, chỉ chăm chú hành trì Bát Quan trai giới cho trong sạch. Khi Bồ Tát yếu sức, thợ săn bắt Ngài mang về làng và báo tin cho dân chúng đến xem rồng làm xiếc, hát nhảy cho dân chúng xem, buộc Bồ Tát làm thân hình to lớn, xong bảo làm nhỏ lại v.v... dạy thế nào Bồ Tát cũng làm theo cả, không khởi tâm sân hận.

Thời gian sau Bồ Tát được Hoàng huynh là Long vương Dassana cứu thoát khỏi tay người thợ bắt rắn.

Bồ Tát sau khi trở về cõi rồng, vẫn tiếp tục từ bỏ sự cao sang quyền thế nơi cõi long cung, tìm chỗ để thọ Bát Quan Trai giới cho được trong sạch đến trọn đời, không thôi chuyển. Đến ngày tan rã ngũ uẩn, Ngài được sanh lên cõi trời Tam thập Tam thiên.

-ooOoo-

3. BỒ TÁT TEMIYA hành pháp XUẤT GIA BA LA MẬT *Nekkhamma Pāramī*

Xuất gia là đức tánh phát sanh làm nhân duyên đưa đến Níp Bàn. Xuất gia có 3 cách:

1. Nekkhamma Pāramī:

Bồ Tát đi xuất gia, không dính mắc với vợ con là nơi thương yêu triu mến, gọi là Ngài bỏ túc pháp xuất gia đến bờ bên.

2. Nekkhamma upapāramī:

Bồ Tát đi xuất gia, không nghĩ đến tứ chi tiết lớn nhỏ, gọi là Ngài bỏ túc pháp xuất gia đến bờ trên.

3. Nekkhamma Pāramī:

Bồ Tát đi xuất gia không nghĩ đến sanh mạng, gọi là bỏ túc pháp xuất gia đến bờ cao thượng.

Lúc Đức Bôn Sư đã đắc thành Phật quả Ngài dạy Chư tỳ kheo rằng:

Này Chư tỳ kheo, tiền kiếp Như Lai được tái sinh vào thai bào của bà *Candadevī*, là Hoàng hậu của vua *Kasika* trị vì xứ *Bāranaśī*, có một nhóm 16.000 tỳ nữ hầu hạ.

Như Lai có tên *Temiya*, bởi khi sanh ra có đám mưa rất lạ thường, nhuận ước khắp cả nơi nơi.

Lúc Hoàng tử *Temiya* được một tháng tuổi bọn tỳ nữ bồng đem đi châu vua cha.

Đức vua thấy vương nhi tốt đẹp lạ thường nên vui mừng phán rằng: "Ta sẽ trao ngôi cho Hoàng tử."

Khi đó có thị thần dẫn đến 4 tên trộm. Vua ra lệnh đem xử tử.

Đức Bồ Tát thấy cảnh như vậy tâm khủng khiếp sợ sệt, khi ấy tiền kiếp quá khứ liền khơi dậy trong tâm. Ngài nhớ rằng trong quá khứ mình cũng là vua ở xứ này, đã giết kẻ trộm với tâm nóng giận, nên bị đọa vào địa ngục *Ussada* khổ sở trong 80 ngàn năm mới dứt khỏi ác nghiệp. Sau đó nhờ phước của thiện nghiệp, ta được thọ sanh làm Chư Thiên ở cõi Trời Đạo Lợi, nay mới giáng sanh trong cõi người, bây giờ lại gặp cái địa ngục này nữa. Ôi làm sao đây? Đừng cho gặp cái vương vị này nữa.

Lúc ấy có nàng Thiên nữ, tiền kiếp là mẹ của Bồ Tát từ giữa hư không nói rằng: "*Này con Temiya! Không ai cho người què, bại, điếc, cầm lên ngôi vua đâu!*"

Kể từ ấy, Hoàng Tử bèn thực hành y theo lời dạy, Ngài không cử động, không khóc la, như đáng điệu người tê liệt, câm điếc. Dầu cho Đức vua có năn nỉ hay dọa dẫm cho sợ, bỏ đói, Đức Bồ Tát cũng làm ngơ, bởi Ngài quán xét cái khổ khủng khiếp trong cảnh địa ngục, nên Ngài nhẫn nại trong sự đói khổ mong thoát thân ra khỏi ái dục ngũ trần.

Thời gian dần trôi, cho đến năm 16 tuổi, Ngài trải qua 17 cách thử thách là: Thử bằng sữa, bánh, trái cây, đồ chơi, thực phẩm, lửa, voi, rắn, diến kịch, múa dao, tiếng tù và, tiếng trống, đèn, ruồi, nước tiểu và phân, than lửa, nữ sắc theo thứ tự của mỗi cách.

* Cách thử bằng sữa: Đức vua ra lệnh không cho Hoàng Tử bú, để xem Ngài có phải liệt, câm, điếc thật chăng. Nếu không, Ngài phải la khóc trong khi đói khát. Lúc đói nhiều, Hoàng Tử có trí nhớ tự nhắc nhở rằng: "*Này Temiya! Sự đói này không bằng thử người đã bị hành phạt đói khổ trong địa ngục đồng sôi dầu. Nếu người bắt thường cử động, la khóc, người sẽ không thoát khỏi ngai vàng, đó là nhân gây nhiều tội ác, rồi phải sa vào địa ngục nữa.*" Tự khuyên mình như thế, Ngài nhẫn nại với sự đói khổ rồi nằm yên.

* Cách thử bằng bánh: Những người hầu để Hoàng tử nằm trên long sàng, xung quanh có những đồng nam, rồi đem bánh trưng bày trước mặt gần Hoàng Tử, cho các trẻ con dành nhau ăn. Họ rình xem Hoàng Tử có dành lấy bánh chăng, nhưng Ngài không động dấy.

* Cách thử bằng lửa: Hoàng Tử đã lên năm tuổi, những người hầu bồng Ngài để nằm giữa đám trẻ đang chơi đùa. Bỗng nhiên, họ đốt lá cây, lửa cháy xung quanh làm cho các trẻ em sợ hãi, la hoảng chạy trốn. Nhưng Hoàng Tử vẫn im lặng.

* Cách thử bằng ruồi: Hoàng Tử lên mười ba tuổi. Vua cho thị vệ lấy nước mía thoa vào khắp thân thể Hoàng Tử, rồi bồng Ngài đem để chỗ trống cho ruồi bu hút. Hoàng

Tử vẫn chiến thắng với sự khổ, không chút than phiền.

* Cách thử bằng nước tiểu và phân: Trải qua hai ngày, Hoàng Tử đại tiểu tiện không ai tắm rửa. Trước cảnh bẩn thỉu, hôi thúi như vậy, nhưng Hoàng Tử không chút khó chịu.

Đức vua hết phương kể nghĩ rằng Hoàng Tử là người liệt, câm, điếc thật sự, bèn sai xa phu Sunanda bắt cột Ngài lên xe quý rồi đem chôn sống. Nhân cơ hội ấy, Hoàng Tử thấy rằng đây là dịp may được lìa khỏi ngai vàng mà từ lâu Ngài đã mong muốn. Ngài nghĩ rằng: "Đây là cơ hội thuận tiện và cũng vừa lúc cho ta tỏ bày sự thật". Ngài liền duỗi tay chân để thử sức mình. Thấy mình có đủ sức mạnh như thường, Ngài bèn xuống xe, nắm gọng xe đưa lên khỏi đầu quay vùn vụt.

Khi thấy vậy, bọn đao phủ kinh hồn, cho là phi thường, bèn quỳ xin Hoàng Tử tha tội, rồi về báo cho Vua và Hoàng hậu hay biết rằng Hoàng Tử nay đủ sức mạnh và trí tuệ không phải là người khờ dại. Đức vua cùng triều thần ngự đến nơi, thỉnh Hoàng Tử trở về kế vị. Nhưng Hoàng Tử từ chối và tâu cho vua Cha biết nguyên nhân mà Ngài đã phải nhẫn chịu những thử thách trong mười sáu năm qua, Ngài chỉ mong thoát ly để vị và xin được xuất gia. Đức vua đành phải chấp thuận.

Chẳng bao lâu, nhờ sự tinh tấn tu hành Bồ Tát tu thiền đắc định, hiện thông cho mọi người thấy và thuyết pháp về tội ngũ trần, khiến cho quần thần nhất là vua cha cùng mẫu hậu đều phát tâm hoan hỷ trong sạch xin xuất gia tu theo giáo pháp của Ngài. Khi mệnh chung, Ngài được sanh lên cõi Phạm Thiên. Những người khác, tùy định lực và thiền chứng mà được sanh lên các cõi trời Dục giới và Sắc giới.

-ooOoo-

4. BỒ TÁT *MAHOSATHA* hành pháp TRÍ TUỆ BA LA MẬT *PAÑÑĀ PĀRAMĪ*

Paññā Pāramī: Trí tuệ là đức tánh phát sanh làm nền tảng đưa đến Niết Bàn. Trí Tuệ Ba La mật này là pháp đưa đến sự giác ngộ *Vô thường, Khổ, Vô ngã* của các danh pháp, sắc pháp mà Đức Bồ Tát hằng nguyện đạt đến do lòng bi mẫn đối với các chúng sanh.

Giải rằng:

Sự nhận định các danh sắc là *Vô thường, Khổ, Vô ngã* (*Aniccaṃ, Dukkhaṃ, Anattā*) như vậy gọi là thường tướng.

Về phần các vị Bồ Tát hằng an trú các tuệ giác thấy rõ 3 tướng cho vững chắc trong tâm không bị dời đổi, song không phải chỉ là giác ngộ A-La-Hán thôi đâu, mà còn hướng tâm đến Chánh Đẳng Chánh Giác nữa.

Trí Tuệ Ba La Mật chia ra có 3 cách:

1. Paññā Pāramī:

Sự không quyền luyến vật chất và vợ con, với trí tuệ Ngài hằng làm những việc lợi ích đến chúng sanh, gọi là trí tuệ đến bờ bên.

2. *Paññā Upapāramī*:

Sự hy sinh tử chi của Ngài, rồi làm việc chánh trực, chỉ mong sự lợi ích đến chúng sanh, gọi là trí tuệ đến bờ trên.

3. *Paññā Paramattha Pāramī*:

Đức Bồ Tát không màng đến sanh mạng của Ngài rồi làm việc chánh trực chỉ mong sự lợi ích đến chúng sanh, gọi là trí tuệ đến bờ cao thượng.

* Thử nọ, có vị vua hiệu là *Videharāja* trị vì xứ *Mithilā*. Ngài có 4 vị quân sư tên là: *Senaka, Kaminda, Devinda, Pakuttha*, thường bàn luận việc cần.

Một hôm vua mộng thấy: Có bốn đồng lửa lớn ngang cái trại, và có một tia lửa nhỏ bằng đóm đóm ở giữa bốn đồng lửa to ấy, có ánh sáng rực rỡ tỏa ra khắp cả bốn châu thâu đến cõi Phạm Thiên. Rất đông dân chúng cảm lễ vật đến cúng dường, họ đi trên đồng lửa ấy mà không bị phỏng chân.

Khi bốn vị quân sư được vua kể lại bèn tâu rằng: "*Bốn đồng lửa ấy chính là chúng hạ thần, còn tia lửa nhỏ chói sáng bốn phương đó là sắp tới sẽ có bậc trí tuệ sanh lên để phụng sự Bệ Hạ.*"

Khi ấy, Đức Bồ Tát đang là vị Chư Thiên từ cung trời Đao Lợi, được giáng sanh vào lòng bà *Sumanadevī* là vợ của ông bá hộ *Sirivaddha*, ở về hướng Đông hoàng thành của Vua.

Lúc ấy có 1000 vị trời khác cũng giáng sanh vào lòng của 1000 phu nhân tiểu bá hộ tùy tùng khác. Cả ngàn trẻ ấy về sau đều là tùy tùng của Đức Bồ Tát.

Đến kỳ bà bá hộ khai hoa, đức Trời Đế Thích lấy món thuốc Chư Thiên đổ vào bàn tay của Đức Bồ Tát. Bà bá hộ *Sumana* thấy thuốc ở trong lòng bàn tay của con bèn hỏi: *Con ta được cái gì nằm trong tay.*

Dù là hải nhi mới sanh ra mà cũng biết đáp lời mẹ rằng: "*Kính thưa mẹ, đây là thiên dược, người có bệnh gì cũng chữa hết.*". Cũng trong thời gian ấy, Bá hộ *Sirivaddha* là cha của Bồ Tát mang bệnh nhức đầu đã 7 năm rồi, trị không thấy lành. Bà Bá hộ mới lấy linh dược mài cho uống thử, bệnh khỏi trong giây lát. Bởi nguyên nhân này Bồ Tát có tên *Mahosatha* (Người có khả năng, học thức).

Lúc tuổi lên 7, từ đó trở đi, cả 1000 trẻ nhi đồng ấy hợp lại làm bạn với nhau và cũng là tùy tùng của Đức Bồ Tát. Một bữa nọ, trong khi các trẻ đang chơi, bị một đám mưa to, chỉ có một mình Bồ Tát chạy kịp không bị ướt. Khi ấy, Bồ Tát suy nghĩ bảo tất cả nhi đồng mỗi người một lượng vàng chung đều lại, mướn thợ làm 5 cái phước xá là:

1. *Phước xá dành cho người thương mãi.*

2. *Phước xá cho Samôn, Bàlamôn và Trưởng Lão.*

3. *Phước xá cho người cô thế nghèo và phụ nữ có thai.*

4. *Phước xá để hội đàm, luận đạo.*

5. Phước xá để nghĩ ngơi, giải trí.

Và Bồ Tát cho họa những hình tích tranh ảnh đẹp lạ thường. Lại cho đào hồ tắm có 1000 cái bến, trồng hoa sen đủ cả 5 màu, và thêm một vườn hoa tốt đẹp như hoa viên Nandavana tại cung trời.

Riêng về Đức vua nhớ đến đêm mộng, nay đã 7 năm, bèn cho bốn vị thần đi tìm bậc hiền trí. Lúc ấy, một vị thị thần đi về hướng đông thấy năm phước xá và những kiến tạo của Bồ Tát, biết chỉ có bậc trí thức mới tạo nên như thế này được. Bèn về tâu tưng sự cho vua hay. Khi nghe xong Ngài hỏi: vậy trăm có đi thỉnh Mahosatha về để làm bạn trí thức được hay chưa?

Cả 4 vị quân sư là người có tâm ganh tỵ sợ có bậc trí tuệ đến thì mình sẽ mất tài lợi và danh trước, nên tâu nghịch rằng:

- Muôn tâu Hoàng đế, chưa được đâu!

Đức vua nghe theo, bèn truyền cho người theo dõi xem Bồ Tát có những hành động gì khác lạ chẳng.

Một hôm, có một phụ nữ, ẵm con đi tắm rồi để đứa bé nằm trên y áo, cô xuống tắm trong hồ sen.

Trong lúc đó, có một Dạ xoa nữ thấy đứa bé muốn bắt nó để ăn thịt, nên biến thành một cô gái đến khen đứa bé ngộ nghĩnh rồi ẵm nựng, chốc lát bỗng đứa bé đi luôn.

Thấy vậy người mẹ lên bờ đuổi theo kịp la rằng tại sao bỗng con tôi đi đâu?

- Đây là con của tôi, đâu phải là con của cô!

Khi cả hai phụ nữ cãi nhau, đến trước phước xá của Đức Bồ Tát, Bồ Tát mời vào Thấy cử chỉ của hai phụ nữ, Ngài biết rõ sự việc, bèn hỏi rằng:

- Hai cô có muốn tôi phán đoán dùm cho chẳng?

Cả hai cô đều đồng ý nhờ Bồ Tát phân xử dùm .

Bồ Tát bảo để đứa bé nằm xuống, rồi bảo Dạ xoa nắm tay trẻ. Mẹ thiết nắm chân trẻ. Ngài tuyên bố người nào dành được là Mẹ của đứa trẻ này. Hai phụ nữ kéo qua nịu lại làm cho đứa trẻ đau đớn khóc la. Người mẹ thật của trẻ, thấy con khóc động lòng từ bi buông con ra, đứng dậy than van sâu thẳm không nỡ làm cho con đau khổ.

Khi ấy Đức Bồ Tát tuyên bố rằng: Lệ thường phụ nữ không phải là mẹ, thì không lòng thương xót con trẻ. Phụ nữ bắt được đứa trẻ là kẻ trộm, Cô kia là Mẹ thật vì có tâm tội thương nghiệp con.

Đức vua nghe được rất hoan hỷ, Ngài thử tài trí Bồ Tát nhiều lần nữa, sau cùng Đức vua bèn cho tạo dinh thự, xin đức Bồ Tát làm Hoàng Tử và ban thưởng đầy đủ vật dụng cho Bồ Tát được an vui, luôn cả 1000 thiếu nam theo hầu Bồ Tát cũng như thế.

Một ngày nọ, dân chúng thấy ánh sáng ngọc Mani hiện trong ao sen, liền tâu cho Đức vua rõ. Đức vua liền truyền đòi 4 vị giáo sư để tìm ngọc Mani. Họ dạy tát nước ao

cho cạn để lấy ngọc, nước đã cạn mà vẫn chưa thấy ngọc Mani. Đức vua bèn hỏi Bồ Tát có thể tìm được chăng?

- Tâu, muốn lấy ngọc Mani không khó, xin thỉnh Phụ Vương hãy cùng tôi đến đó.

Khi đến mé ao, Đức Bồ Tát đứng quan sát thấy rằng ngọc Mani trên đọt cây thốt nốt, bèn tâu rằng:

- Ngọc Mani không có trong ao nước đâu!

- Có sao có ánh sáng trong nước mà con nói rằng không có ngọc trong đó?

Đức Bồ Tát bảo người đem mâm nước đầy để tại nơi đó, rồi thỉnh Đức vua xem, Ngài thấy ngọc Mani như thấy trong ao. Rồi Đức vua hỏi tại sao trăm thấy ngọc mà con nói không có trong ao!

- *Tâu, ngọc Mani có tại trong ổ quạ trên cây thốt nốt.*

Đức Bồ Tát cho người leo lên đọt cây thốt nốt, gần phía đông của ao nước, lấy ngọc Mani trong ổ quạ đem xuống dâng đến Đức Vua.

Đức vua rất thỏa mãn, rồi ban thưởng châu báu đang đeo trong mình đến Bồ Tát, còn ngọc Mani vừa tìm được Đức vua liền tặng cho 1000 thiếu nam tùy tùng của Bồ Tát.

Cũng trong thời ấy, có một cậu học trò tên là Pingutta làm vừa lòng thầy, nên vị Giáo Sư đã gả con gái cho cậu ta. Cô thiếu nữ này rất xinh đẹp, nhưng *Pingutta* là người xấu số, thiếu phước, nên khi cưới nàng khiến anh ta không vừa ý, không chịu chung cùng với vợ, bởi vì anh học trò ít phước. Sau một tuần thành hôn, *Pingutta* xin cha mẹ vợ trở về xứ. Đi đường xa mệt và đói chợt thấy một cây có trái ngọt, anh bèn trèo lên bẻ trái ăn. Cô vợ ở dưới xin vài trái, anh nói: *"Vợ có tay chân để làm gì, mà sao không tự hái ăn!"* Nàng biết chồng không cho, nên phải tự trèo lên để hái ăn. Anh chồng thấy thế liền lần xuống đất lấy gai chắt xung quanh gốc cây rồi bỏ đi. Vợ anh xuống không được kêu than khóc kể. Ngày ấy, Đức vua đi ngoạn cảnh, nghe người than khóc bèn bảo quan quân đi tìm, gặp được nàng liền đem về làm Hoàng hậu.

Một ngày khác, Đức vua lại cùng Hoàng hậu đi du ngoạn ngoại thành, nhân dân quét dọn trang hoàng thành phố để nghinh đón. Hoàng hậu chợt thấy người chồng củ của mình cũng đang quét đường liền mỉm cười. Đức vua thấy vậy liền hỏi có sao nàng cười! Hoàng hậu tâu rằng:

- Tâu Đại Vương, vì thiếp thấy chồng củ, đã bỏ thân thiếp, nay phải làm công việc như vậy, nên thiếp cười.

Đức vua không tin nên phần nộ bèn rút gươm cầm tay và hỏi ý kiến bốn vị quân sư. Các quân sư tâu rằng:

- Đức vua chớ tin lời phụ nữ, chúng tôi chưa thấy thanh niên nào có vợ đẹp như vậy mà bỏ rơi.

Rồi Vua quay sang hỏi Bồ Tát, Ngài thưa rằng:

- Thưa Hoàng Thượng, lẽ thường người xấu số, ít phước và người có nhiều phước thường cách nhau xa lắm như trời với đất hoặc như bờ biển bên này và bờ biển bên kia vậy. Cũng thế, kẻ kém phước và người đại phước không ở chung nhau được, lời của Hoàng hậu nói là đúng.

Đức vua nghe hữu lý, tha chết cho Hoàng hậu và ban thưởng cho Bồ Tát nhiều lễ vật. Hoàng hậu nghĩ rằng nhờ Bồ Tát Mahosattva, mà sanh mạng ta mới còn, nghĩ thế, Hoàng hậu xin Vua cho phép nàng nhận Bồ Tát làm em. Đức vua hoan hỷ chấp thuận.

Một hôm Đức vua dùng câu hỏi về *Mendapanhā* (câu hỏi khúc chiết-khó) hỏi rằng:

- Người có của cải nhưng không có trí tuệ và người có trí tuệ song không có của cải, thế người nào cao thượng hơn?

Quân sư đáp:

- Người có của cải nhưng không có trí tuệ cao thượng hơn. Theo hạ thần hiểu là người giàu sang quý hơn hết, vì người có trí bao nhiêu mà nghèo, cũng bị người giàu sai khiến, mặc dầu người giàu mà tàn tật, câm điếc, ... cũng được làm chủ kẻ khác.

Nghe thế, Đức vua liền hỏi Bồ Tát: «Khanh hiểu thế nào?

- Tâu Đại Vương, thần nghĩ: "*Bậc trí tuệ quý hơn kẻ ngu vô trí. Người vô trí, khi có được tài sản nhiều, họ si mê cho rằng ta là cao quý, rồi gây tạo những nghiệp dữ, thích sao thì làm vậy không ghê sợ tội lỗi. Kẻ ấy không thấy xa hiểu rộng, khi họ từ trần thường bị đọa vào ác đạo, do hiểu thế nên hạ thần thấy người có trí tuệ cao quý hơn.*"

Lại nữa những người có của, nhưng không có trí tuệ đen nói trắng. Những cái đen, họ nói trắng, ngược lại trắng nói đen để đánh lạc hướng người khác, mà mọi người cũng nghe theo, là vì phần đông thiếu học. Họ không biết sẽ bị Bậc Hiền minh chê trách, đến khi từ trần còn phải chịu quả xử hành hình nhiều kiếp trong địa ngục. Tiếng xấu còn lưu danh muôn thưở.

Riêng bậc trí tuệ thốt lời ngay thật, không nói xuyên tạc theo ai. Bậc trí tuệ hằng được quần chúng ngợi khen và cúng dường bằng các vật báu. Người trí tuệ hằng nói lời ngay thật, sau khi mạng chung được tái sanh làm Vua hoặc lên cõi Trời. Vì thế nên người có trí tuệ cao quý hơn.

Bồ Tát dẫn nhiều ví dụ để làm sáng tỏ, Vua càng thêm hài lòng và ban thưởng cho Bồ Tát thật nhiều báu vật.

Khi Bồ Tát được 16 tuổi, Hoàng hậu thấy cần phải có người nội trợ để chăm nom gia tài to lớn, song Bồ Tát xin tự đi kiếm người phụ nữ đức hạnh. Bồ Tát đi trong ba ngày, thấy nàng *Amarā* là người nữ có đủ tài đức và dung nhan xinh đẹp, Bồ Tát không biết nàng đã có nơi nào chẳng, nên thử hỏi nàng bằng cách ra cử chỉ, Ngài ra "dấu nắm tay lại" xem nàng có hiểu không?

Nàng *Amarā*, biết Bồ Tát hỏi mình có chồng chưa. Nàng bèn xòe tay để đáp cử chỉ của Bồ Tát.

Bồ Tát bèn đến gần để hỏi thăm:

- Xin lỗi nàng quý danh là chi?
 - Thưa, cái chi không có trong quá khứ, vị lai và hiện tại, cái ấy là tên của tôi.
 - Này cô! Tình trạng bất diệt là cái không có trong quá khứ, vị lai hay hiện tại. Như vậy quý danh cô là *Amarā* phải chăng?
 - Vâng tôi tên là *Amarā*.
 - Vậy bây giờ cô đem cháo cho ai?
 - Thưa, tôi đem dâng cho bậc tiền thiên.
 - Này cô! Tiền thiên tức là cha và mẹ. Vậy có phải cô đem cháo dâng cho cha mẹ cô chăng?
 - Thưa phải.
 - Thân phụ cô làm nghề gì?
 - Cha tôi làm một nơi thành hai.
 - Vậy cha cô làm nghề nông phu chăng? Và cày ruộng trong nơi nào?
 - Vâng, thân phụ tôi cày ruộng trong nơi "*đi không trở lại*"
 - Nơi đi không trở lại đó là nơi tha ma mộ địa, có phải vậy chăng?
 - Thưa phải.
 - Vậy chừng nào cô trở về?
 - Nếu một cái đã đến thì tôi không trở về, còn một cái chưa đến thì tôi trở về.
 - Này cô, thân phụ cô cày gần mé nước, nước lên nhiều thì cô không trở về, nếu nước nhỏ thì cô về phải không?
 - Thưa phải, nói xong nàng mời Bồ Tát dùng cháo. Nàng dành riêng một phần cho cha nàng, còn phần của nàng thì để ra mâm rồi dâng cho Bồ Tát.
- Bồ Tát còn thử tâm nàng *Amarā* bằng nhiều cách, thấy nàng có tâm thành thật và có trí tuệ, sau khi gặp cha của nàng *Amarā*, Bồ Tát lạy tạ và xin hỏi cưới nàng. Đức vua và Hoàng hậu hay tin, liền sắm sửa hôn lễ cao sang đến rước nàng *Amarā*, nhân dân cũng chúc tụng quà sính lễ nhiều không kể xiết. Khi nàng *Amarā* được tài sản nhiều như thế, nàng chia làm hai phần:
- Phần thứ nhất chia cho dân chúng.
 - Phần thứ nhì để vào kho làm quốc sản.

Do đó toàn dân trong cả nước phục tùng, thương yêu và chịu nghe lời giáo huấn của Bồ Tát. Thấy Bồ Tát được Vua trọng đãi, quyền cao tước lớn ngày càng nhiều, bốn vị

quân sư càng sanh lòng ganh ghét, hằng tìm nhiều mưu kế để hãm hại đức Bồ Tát. Một hôm, họ trộm bốn thứ báu vật của vua:

- *Cây trâm bằng vàng;*
- *Hoa bằng vàng lá;*
- *Y báu Kimbala;*
- *Đôi giày bằng vàng .*

Khi đã trộm được bốn báu vật, họ đem giấu trong dinh của Bồ Tát, rồi vào tâu vu khống rằng Ngài đã sanh lòng phản nghịch, nhưng nhờ nàng *Amarā* có trí tuệ nên đã ngăn ngừa được tội lỗi ấy. Đức vua lấy làm hối hận, vì Bồ tát đã thoát thân lánh mình đi mất rồi. Chư Thiên rung động khi không được nghe Bồ Tát thuyết pháp nữa. Các Vị bèn tìm cách dùng câu hỏi để đố Đức vua. Trí của bốn vị quân sư lu mờ như đom đóm trong ban ngày, không ai giải đáp được, Vua phải cho người đi tìm thỉnh đức Bồ Tát về.

Đức vua liền thỉnh Bồ Tát lên ngai vàng, còn Đức vua ngồi bên cạnh phía dưới, rồi phán rằng: "Này con, có vị trời ngự trên cây lọng trên ngai vàng hiện ra hỏi bốn câu, trăm và bốn giáo sư đều bí lối, cầu con giảng dùm cho rõ."

- Tâu, câu đố ấy như thế nào, xin Hoàng Thượng cho con rõ?

1- Người càng bị đánh chưởi, thì lại càng làm cho kẻ khác mến yêu, là hạng người như thế nào?

- Tâu, đó là hài nhi mà người Mẹ để nằm trên đầu gối mình, Mẹ hằng vui thích đùa giỡn cùng con trẻ, khi thì đánh lúc thì lại đập hoặc níu tóc mẹ, và miệng mẹ, nhưng người mẹ càng nâng niu hôn hít con, càng yêu mến con là như thế.

Vị trời nghe rõ bèn hiện ra, hoan hô khen ngợi là đúng, hay lắm, rồi cúng dường Bồ Tát bằng hoa trời để trong hộp ngọc, xong rồi biến mất.

Đức vua thấy thế càng hoan hỷ ban thưởng rất nhiều châu báu cho Bồ Tát, rồi hỏi thêm câu thứ hai.

2- Này con, Người đánh chưởi theo ý muốn mình, xong chỉ mắng ngoài môi chứ lòng không sân hận, rồi trở lại càng thấy thương yêu hơn trước. Đó là hạng người nào.

- Đó là Mẹ mắng nhiếc la rầy con, rồi trở lại thương yêu con hơn trước. Thật sự, khi người Mẹ đã thấy con lên sáu, bảy tuổi có thể sai khiến được, nhưng đứa con thường đi chơi từ sáng cho đến tối, rồi không dám trở về nhà, phải nương náu với quyến thuộc, vì sợ Mẹ rầy la. Người Mẹ không thấy con về thì rầu buồn, khi gặp lại con liền vuốt ve mon trớn, khuyên nhủ rồi dẫn con về nhà, từ đó lại càng thương yêu con hơn trước.

Tâu Hoàng Thượng, câu đố thứ nhì là bà Mẹ mắng la con theo sở nguyện rồi càng thương con hơn bội phần.

Vị trời liền hiện ra cúng dường Bồ Tát và Đức vua cũng ban thưởng cho Bồ Tát như trước. Rồi xin hỏi đến câu thứ ba.

3- Người dùng lời dối đả dối cho nhau, về sau lại tội nghiệp và càng thương yêu nhau hơn trước, là hạng người nào?

- Tàu, đó là lời vợ chồng dối dối cho nhau, vợ chồng tỏ lời không thật cùng nhau như vậy, rồi càng trở nên yêu mến nhau hơn.

Vị Trời liền hiện ra tỏ lời *Sādhū* và cúng dường cho Bồ Tát, Đức vua cũng ban thưởng như trước. Rồi hỏi đến câu thứ tư.

4- Trong đời, có người thọ nhiều vật dụng của kẻ khác thì lại càng làm cho họ thêm phần kính mến, đó là hạng người nào?

Tàu, đó là nói về các bậc Sa Môn, Bà La Môn tu hành phạm hạnh rồi được thí chủ dâng cúng nhiều vật dụng: Thực phẩm, y phục, chỗ ở, mừng chiếu, thuốc men. Thí chủ được dâng cúng nhiều, thì họ càng vui thích, kính mến nhiều vì làm cho họ càng được tăng thêm phần phước báu. Câu đó này ám chỉ các thầy Sa Môn, Bà La Môn có giới đức, tu phạm hạnh trong sạch, làm cho thí chủ phát sanh đức tin, dâng cúng vật dụng đến các Ngài, khi các Ngài thọ lãnh, thí chủ càng hoan hỷ và kính mến nhiều.

Lần này Chư Thiên hiện xuống rất đông tỏ lời *Sādhū! Lành thay!* và cúng dường đủ cả bảy báu. Đức vua cũng ban thưởng nhiều báu vật và phong cho làm Đại tướng tại triều, Bồ Tát càng thêm vinh quang chói lọi. Từ đây về sau bốn vị giáo sư chẳng còn dám hại Bồ Tát nữa.

Bồ Tát bắt đầu dạy đạo cho Đức vua và lo xây thành đắp lũy kiên cố, gìn giữ sơn hà xã tắc cho Vua được thịnh đạt lâu dài. Thưở đó, Bồ Tát có nuôi con kết, tập cho nói tiếng người, kết rất khôn ngoan, dạy sao thì làm theo vậy không sai chạy. Bồ Tát bèn khiến nó bay đi thám thính việc ở các nước.

Chim kết ấy bay thám thính thừa lệnh bay đi đến nước *Uttarapancā* thấy vua *Cullanī* và vị cố vấn *Kevata* có ý định làm chủ toàn cõi Diêm Phù. Biết được cơ sự ấy, kết về báo tin cho đức Bồ Tát, Ngài liền lo sắp đặt quân binh và dự trữ luôn cả lương thực dùng trong vài năm được.

Sau khi đánh chiếm 101 nước nhược tiểu, Vua *Cullanī* định đi bắt vua *Videha* và đức Bồ Tát, nhưng đức Bồ Tát Mahosatha đã biết được, nên ý đồ của vua *Cullanī* không thành.

Thế rồi hai bên gây chiến cùng nhau bằng pháp lý, vị cố vấn *Kevata* định hỏi về những câu pháp để cảm thắng đức Bồ Tát. Ông nghĩ, hai vị trí tuệ của hai nước sẽ hội nhau trong một nơi để luận đạo. Người nào cúi đầu thì coi như đã bại trận. Ông thì già, còn Bồ Tát lại trẻ, khi gặp nhau Bồ Tát bái chào trước, như thế Bồ Tát sẽ bị bại trận. Nghĩ thế ông rất yên lòng. Rồi cả hai đều đến điểm hẹn.

Khi Bồ Tát đến chỗ đấu pháp, với vẻ mặt tươi tỉnh, đầy nghị lực và cỡi trên con ngựa rất quý đáng giá 1000 lượng vàng, tay cầm một viên ngọc có ánh sáng chói lọi vô giá, đi ngay đến trước mặt vị cố vấn. Ông không thể đứng vững được, nên đi đến bái chào Bồ Tát và nói rằng: Này bậc trí tuệ Mahosatha, ta đến chỗ này lâu rồi, người nhỏ thua ta sao lại không xă giao lễ độ với ta? Hay là người ý có viên ngọc vô giá đó chăng?

Đức Bồ Tát hỏi trở lại rằng:

- Ông muốn được ngọc này không, mời ông đến thọ lãnh!

Vị cố vấn lòng mừng khắp khởi, liền đưa tay ra để nhận. Bồ Tát bèn ném ngọc mani trên tay Kevata, nhưng ngọc lăn xuống đất vào gần chân Bồ Tát. Kevata định cúi xuống định lượm ngọc ma ni, Bồ tát bèn tuyên bố:

- Ô! Ông thầy sao lại đánh lừa ta, ta nhỏ hơn ông kia mà, đừng làm thế, ông nên ngồi dậy đi!

Vua *Cullanī*, cho đến 101 tiểu vương và quân lính nghe thấy vậy đều hãi hùng sợ chết, đồng nhau lên ngựa chạy dài về thành.

Chỉ có duyên cớ bấy nhiêu, nhóm quân lính của vua *Cullanī* chạy tán loạn, Đức vua chịu đầu phục và xin tha mạng sống.

Về sau Vua *Cullanī* lại tính kế đem công chúa là con gái của mình đi hiến cho hoàng đế Videha làm Hoàng hậu, đang mưu giết vua và Bồ Tát.

Đức Bồ Tát hiểu rõ âm mưu ấy, dẫn binh đến giữa ranh giới, rồi xin vào sửa soạn nhà nghỉ tạm trong xứ *Uttara Pañcā*.

Khi ấy Ngài dẫn trai vào một đường hầm to rộng đủ cả tiện nghi, họa tranh các cõi trời rất ngoạn mục, xa một dặm và nửa do tuần, có tám mươi cửa lớn và sáu mươi bốn cửa nhỏ, các then cửa ấy chỉ trật sập một cái thì tối như không gian địa ngục. Trái lại chỉ đập cửa một cái thì hằng nghìn ngọn đèn điện cháy sáng hết thảy như cõi trời. Theo đường ngầm, Ngài cho 4 vị hoàng gia của vua *Cullanī* đi về kinh đô *Mithilā*.

Nhờ trí tuệ của Bồ Tát mà đã chiến thắng được Vua *Cullanī* và 101 nước lân bang mà không làm tổn hại đến một ai.

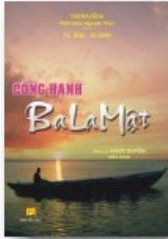
Sau khi đức đại Bồ Tát Mahosatha là bậc đại sỹ quý báu thắng trận trở về thành *Mithilā*, Đức vua Videha tán tụng tài đức và khen ngợi Trí Tuệ của Bồ Tát, vì mọi người được thoát chết và được sự an vui hạnh phúc. Từ đây hai nước trở nên thân thiết bang giao, quốc thái dân an, nhà nhà lạc nghiệp. Tài đức Bồ Tát vượt trên tất cả mọi người và được truyền tụng trong đời.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | 01 | 02

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

last updated: 24-06-2005



THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
CÔNG HẠNH BA LA MẬT

Thích Nữ Ngọc Duyên biên soạn

Lưu ý: Đọc với phông chữ [VU Times](#) (Viet-Pali Unicode)

**5- Bồ Tát JANAKA hành pháp TÍNH TẤN BA LA MẬT
VIRIYA PĀRAMĪ**

1- Viriya pāramī:

Bồ Tát tinh tấn trong việc tu tập không nghĩ đến vợ con và tài vật, gọi là Ngài bỏ tức tinh tấn đến bờ bên

2- Viriya Upapāramī:

Bồ Tát tinh tấn không nghĩ đến tứ chi lớn nhỏ của Ngài, gọi là bỏ tức tinh tấn đến bờ trên.

3- Viriya Pāramī:

Bồ Tát tinh tấn không nghĩ đến sanh mạng của Ngài, gọi là bỏ tức tinh tấn đến bờ cao thượng.

Thờ ậy, Đức vua *Mahājanaka* xứ *Mithilā* có hai Hoàng Tử:

- Người con trưởng *Arikhajanaka* lên ngôi kế nghiệp đế vương.

- Còn người con thứ *Pojanaka* nhận chức phó Vương.

Về sau em giết anh đoạt ngôi, lúc đó Bồ Tát từ cõi Trời giáng sanh vào lòng bà Hoàng hậu của Vua *Arikhajanaka*.

Hoàng hậu nghe tin Đức vua chết, liền tìm đường tẩu thoát. Lúc đó nhờ đức Bồ Tát tái sanh trong thai bào, nên khiến trời Đế Thích hiện xuống, giả làm xa phu mời Hoàng Hậu lên xe, đưa bà sang kinh đô khác tỵ nạn, rồi từ biệt biến mất. Khi đi bà mang theo 3 viên ngọc báu. Về sau bà được hai vợ chồng Giáo sư trú danh tiếp nhận làm em nuôi. Thời gian không lâu, bà hạ sanh được một Hoàng nam khôi ngô xinh đẹp, có màu da như vàng ròng, nên đặt tên là *Janaka*. Khi Bồ Tát *Janaka* được 16 tuổi, lệnh bà bèn trao cho con 3 viên ngọc báu làm bằng chứng và đi chung với người thương buồn để trở về vương quốc.

Khi thuyền ra được giữa biển cả *Sidantana*, bị sóng to gió lớn thuyền chìm mọi người đều chết, chỉ còn Bồ Tát Ngài ráng sức lội. Đến ngày thứ bảy, thấy trăng tròn, biết

đúng là ngày Trai tịnh nên Ngài phát nguyện thọ trì Bát Quan Trai giới trong sạch không sợ hãi. Đây gọi là *"Tinh Tấn đến bờ trên."* Trọn 7 ngày đêm trôi giạt trong biển, khi đó có nàng Thiên nữ *Manīmekhalā* là người trấn thủ ở biển ấy hiện đến cứu Ngài, đem Bồ Tát đến cây xoài gần vườn Thượng uyển.

Lúc ấy, triều thần văn võ đang đi tìm kẻ đại phước để nối vị để vương, vì vua đã thắng hà; trước đó Vua có di chúc 4 điều, nếu ai thực hiện được, người ấy có thể kế thừa sự nghiệp để vương. Tức là:

* *Chiều chuộng vừa ý con gái ta.*

* *Nhắc nổi báo kiếm.*

* *Biết nhận thức cái giường có 4 góc cho rõ rệt trên dưới.*

* *Cạy được cả 16 hầm tài sản.*

Đức Bồ Tát đáp ứng được bốn điều này một cách dễ dàng. Cho nên các Đại thần dâng hiến vương vị và cho Ngài đình hôn cùng Công Chúa *Sīvalī*.

Từ khi lên ngôi vua, quốc dân được thái bình thanh trị, Bồ Tát nhớ lại lúc bị nạn bảy ngày ở biển khơi, Ngài phát tâm hoan hỷ, phi lạc, tuyên bố rằng: *"Người có trí tuệ hằng siêng năng tinh tấn không bỏ qua thiện pháp, là một đức tánh thanh cao, đem đến nhiều lợi ích cho chính mình và cho kẻ khác. Những người lười biếng, không thực hành thiện pháp, đi cùng với ta đều phải chịu làm mồi cho cá. Còn ta không dễ đuổi, dù gặp cảnh khổ thân, khổ tâm đến đâu, cũng không bỏ sự tinh tấn nên gặp được tiên nữ cứu giúp về đến kinh thành này".* Nghĩ vậy, Ngài cai trị nước đúng theo 10 pháp là một vị *"Minh Vương"*. Ở tại hoàng cung, Ngài tu hạnh cư sĩ 7000 năm, tinh tấn dứt của bố thí và trì giới không gián đoạn.

Dù sống trong nhung lụa bên cạnh vợ đẹp, con xinh, nhưng Ngài luôn có tâm chán ngán và có nguyện vọng tinh tấn thoát ly. Ngày nọ, khi đi dạo vườn Thượng Uyển nhằm mùa hoa trái, Đức vua nhìn thấy hai cây xoài, một cây không trái và một cây có trái. Cây xoài có trái khiến mọi người ưa thích đến hái ăn, làm cho cây gãy cành, trơ trụi. Còn cây không trái thời đứng vững vàng và xanh tươi. Bồ Tát chợt nhận hiểu rằng: *"Sự nghiệp Đế Vương của ta cũng giống như cây xoài có trái, ngại vàng này không có quả lành, không có lợi ích đến ta, biết bao kẻ ưa thích và cũng có nhiều kẻ nghịch chực sẵn muốn giết hại ta để tranh giành!"* Nay nếu ta xuất gia làm Đạo Sĩ, vô tài sản, chỉ có tam y, quả bát, không nhà không cửa, thì sẽ được an vui như cây xoài không trái, cành lá vẫn được xanh tươi, không ai hãm hại." Nghĩ thế, Ngài bèn tinh tấn giữ giới trong cung điện trọn 4 tháng nữa.

Đôi khi Ngài nhớ đến Đức Phật Độc Giác, là một vị Sa Môn ngự trong lâm sơn thanh vắng, mới là hạnh phúc cao thượng. Các Ngài không còn bận lòng lo đến hạnh phúc thế sự ảo huyền, cũng không bị phiền não cuốn lôi trong đường tội lỗi. Các Ngài chỉ tham thiền, quán tưởng.

Ta xin hết lòng thành kính lễ bái các Ngài. Ngẫm nghĩ đến cuộc đời vô thường, thật là đáng chán.

Không biết bao giờ ta mới được xuất gia ra khỏi đền vàng, vào tu trong non cao tuyết lạnh, cho tâm thần được an tĩnh. Bao giờ ta mới thoát ly được ngôi rồng, gác tía, quan quân, cung phi mỹ nữ, họ làm cho ta phải bận lòng mệt trí. Bao giờ sự đi đứng đó đây một mình không bị ràng buộc sẽ có kết quả đến ta!

Một hôm, Ngải dạy quân hầu mua y cà sa và bình bát, đừng cho một ai hay biết. Ngải mặc y, mang bát lấy làm thỏa thích và tuyên ngôn rằng: *"Sự xuất gia này là hạnh phúc cao thượng nhất"*. Đến sáng sớm Ngải ngự ra khỏi thành. Hoàng hậu và cả trăm phi tần hay được lập tức đi theo, họ khóc than thảm thiết và khẩn cầu Đức vua trở lại, nhưng Ngải vẫn không dừng bước.

Thườ đó, có vị đạo sĩ biết Bồ Tát đang xuất gia tầm đạo thanh cao, nhưng khó làm cho Hoàng hậu và đại chúng trở về được, sợ Ngải thôi chuyển, nên vị đạo sĩ bèn đến sách tấn khích lệ rằng:

- Này Sa Môn! Người không nên cho rằng mình đã vượt khỏi phiền não. Bậc xuất gia chẳng phải mặc y cà sa, cạo tóc đó là đủ đâu; khi người ấy chưa lìa bỏ được lưới phiền não. Phiền não làm hư hại đường lối trời, người.

- *Tình trạng ngủ nghỉ, là điều nguy hiểm.*
- *Lười biếng là điều nguy hiểm.*
- *Tình trạng mơ màng, ưa thích ngủ dục là điều nguy hiểm.*
- *Tình trạng ưa thích nhục dục là điều nguy hiểm.*
- *Tình trạng tham ăn là điều nguy hiểm.*

- Này Sa Môn! Không nên cầu thả, cho rằng có tăng tướng rồi là vượt khỏi hẳn phiền não!

Người chẳng nên chán nản trong sự xuất gia, hãy cố gắng tinh tấn, phát tâm hoan hỷ thực hành Chánh pháp cho đến ngày mãn nguyện. Người nên tinh tấn tu pháp *"Tứ vô lượng tâm"* đừng bỏ qua. Nên bỏ tức *Giới, Định, Tuệ* cho viên mãn, chẳng nên ngã mạn rằng ta là vị vua xuất gia tu hành. Cần phải thọ trì pháp *"Nhân nại"*, quan tâm về sự dập tắt phiền não, không nên tự cao mà hại người, phải hành *Ngũ thiện, Bát thông* cho hoàn bị chu toàn. Như thế sự xuất gia của người mới đem lại nhiều kết quả tốt. Giảng xong, vị đạo sĩ từ giả trở về núi.

Khi ấy Bồ Tát rất hoan hỷ bèn nói với Hoàng hậu:

- *Nay ta đã từ bỏ ngai vàng, quan quân thân quyến không còn bận lòng điều gì cả. Này Sivali! Nàng nên suy xét, nên nghe ta chỉ giáo, xuất gia là điều thoát khổ, người ở trong của cải là nhân khiến mình gây nghiệp ác.*

Đến gần núi, Bồ Tát liền nhỏ một cọng cỏ, cho Hoàng hậu xem và thốt rằng: *"Cọng cỏ này không còn dính liền với gốc nữa được, nàng với ta cũng không phải là vợ chồng nữa, như cọng cỏ ấy. Nàng theo gót ta chỉ luống công, hãy trở về ở một mình đi, ta cũng chỉ ở riêng một mình mà thôi. Như thế mới mong thoát khổ được. Muốn giải thoát, nàng hãy tu hành giống như ta vậy."* Nghe Bồ Tát nói những lời tuyệt vọng như thế, Hoàng hậu khóc nức nở, từ nay ta và Ngải chẳng còn là vợ chồng nữa, hẳn rồi. Nàng nhào lặn ra khóc vô cùng thảm thương khổ não đến bất tỉnh. Thừa dịp Hoàng hậu hôn mê, Bồ Tát đi nhanh vào rừng sâu tuyết lạnh, sau đó xuất gia làm đạo sĩ tu trọn 1000 năm đắc thiền và lục thông được an vui như ý nguyện. Khi hết kiếp Ngải được sanh lên cõi Phạm Thiên.

Riêng Hoàng hậu trở về triều, tôn vương cho Đông cung lên kế vị xong, bà cạo tóc xuất gia tu trong vườn ngự uyển, thực hành theo lời dạy của Bồ Tát, tham thiền đắc định, khi mệnh chung cũng được sanh lên cõi trời Phạm Thiên.

6. BỒ TÁT *CANDA* hành pháp NHẼ NẠI BA LA MẬT *Khantī Pāramī*

1. *Khantī Pāramī*:

Sự nín nhịn không nóng giận đối với kẻ hại vợ con của Ngài, như thế gọi là nhẫn nại đến bờ bên.

2. *Khantī Upapāramī*:

Sự nín nhịn không nóng giận đối với kẻ làm hại đến tứ chi thân thể của Ngài, như thế gọi là nhẫn nại đến bờ trên.

3. *Khantī Paramatthapāramī*:

Sự nín nhịn không nóng giận đối với kẻ muốn đoạt mạng sống của Ngài, như thế gọi là nhẫn nại cao thượng.

Câu chuyện hiện tại:

Khi đức Đại Bi ngự trong thạch động *Gijjhakūta*. Một ngày nọ, Chư tỳ kheo tụ hội nơi phước xá, đàm thoại cùng nhau về câu chuyện Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) làm việc không tốt rằng: "*Đề Bà Đạt Đa là kẻ bạc nghĩa vong ân đức Thế Tôn, luôn tìm dịp giết hại Ngài, cũng vì có tâm buộc oan trái với Đức Thế Tôn. Nhờ nương với Đức Phật mà kẻ ấy mới thoát nạn.*" Đức Phật biết được câu chuyện, Ngài bèn phán rằng: "*Này các tỳ kheo! Chẳng phải Đề Bà Đạt Đa chỉ quên ơn Như Lai trong kiếp này mà thôi, từ bao kiếp trước Đề Bà Đạt Đa cũng vô ơn Như Lai như vậy rồi.*" Sau đó, với lòng từ bi, Đức Phật bèn giảng câu chuyện trong quá khứ, khi Như Lai là tiền thân *Candakumāra* như sau:

Thưở xưa, có một Đại vương tên là *Vasavatti* trị vì xứ *Bārānasī*, có một vị đồng cung con của vua tên là *Candakumāra*, là nơi rất yêu mến vừa lòng. Đức vua cử Bồ Tát lên địa vị vương ngoại đẳng xem xét vương sự thay thế cho Ngài.

Thưở ấy, có một quân sư Bà La môn tên *Kandahāla*, được làm quan xử kiện cho dân trong toàn quốc, nhưng ông không chơn chánh, thường ăn hối lộ xử kiện thiên vị. Một hôm có người bị thất kiện do xử oan bèn cầu cứu đến Bồ Tát, Ngài xét kỹ vụ kiện rồi xử đúng đắn theo pháp. Tất cả nhân dân đều tán dương ca tụng Bồ Tát.

Ông quan ấy bị mất chức đem lòng thù hận Bồ Tát luôn tìm cách hại Ngài. Một hôm đức phụ hoàng nằm mộng thấy được lên cung trời trên ấy có nhiều Ngọc nữ quý báu và các ngọc nữ vây quanh hầu hạ. Tỉnh giấc Ngài cho hỏi ông Bà la môn *Kandahāla*: Trẫm cần làm việc phước gì để sanh trong cõi trời?

Ông Bà la môn không chú ý câu hỏi ấy là gì cả, chỉ nghĩ đến sự cừ thù mong sẽ giết hại Đức Đại Bồ Tát thôi, mới trả lời rằng: "Tâu Đại Vương, nếu người nào muốn được lên cõi trời, cần dứt bỏ sản vật quý giá là nơi mà mình yêu mến vừa lòng. Nghĩa là Đức vua phải giết chết tất cả 4 Đồng cung Thái tử, 4 Công Chúa, 4 Hoàng hậu, 4 nhà triệu phú, luôn cả một số súc vật voi, bò, ngựa khác đang lấy máu "*Tế Thân*". Cũng

đại lễ như thế mới được lên cõi trời và những người bị giết đó cũng được lên cõi trời, xin tâu Đại vương được rõ."

Nghe qua Đức vua chấp nhận, vì bị thế lực của tà kiến si mê, ái dục bao phủ. Mặc dù khi ấy có sự ngăn cản của Hoàng Tổ và Mẫu hậu cũng vô hiệu quả, vua vẫn khẳng khái nghe theo sự chỉ bảo của vị cố vấn, làm điều tội lỗi, mặc cho mọi người sợ hãi, khóc la, kẻ lễ vang động khắp hoàng cung

Khi ấy Đức Bồ Tát xét nghĩ rằng: *"Đại chúng bất bình buồn khổ, chỉ vì sự cừ hận của vị đại thần đối với Ta mà gây ra như thế. Vậy Ta nên vào tâu, xin phụ vương ân xá cho mọi người"*. Đức Bồ Tát bèn vào chầu vua cha và quỳ trước bệ rồng cầu xin:

- Tâu phụ vương, lời vị cố vấn nói, sự cúng thần lửa bằng cách giết người và giết thú để được lên cõi trời, nếu đúng là như vậy, thì có sao vị ấy không giết vợ đẹp, con yêu của mình. Lời nói của ông ta như giòng thác lù không đứng vững ngập tràn. Tâu phụ hoàng, kẻ nào cúng thần lửa bằng cách này họ sẽ sa địa ngục, người nào có tâm hoan hỷ theo, cũng sẽ bị khổ y như thế. Tâu phụ hoàng, nên bỏ tà kiến ấy. Nếu phụ hoàng không suy xét nghe theo lời độc ác của ông ấy, hành động tội lỗi, rồi đây nước mắt nhà tan, mọi người phải đau khổ vì cảnh phân ly chồng vợ con cái. Đến lúc lâm chung, phụ hoàng không sao tránh khỏi bốn đường ác đạo.

Đức Bồ Tát *Canda* trình bày cặn lời, mà cũng không làm cho vua cha động lòng thương xót.

Khi ấy nàng *Canda*, vợ của Bồ Tát cũng van xin Đức vua:

- Tâu, nếu phụ hoàng không thương xót định giết Hoàng Tử, xin phụ hoàng giết con trước, đừng để con quá khổ tâm, não nề, thê thảm như vậy khi phải xa chồng. Con nguyện chết theo chàng.

Đức vua phán với nàng rằng:

- Này con, con đây là dâu, trầm rất thương yêu. Song ta chỉ mong lên cõi trời nên phải giết Hoàng Tử. Con chớ khóc lóc, kẻ lễ, những người bị chết đây, cũng sẽ gặp nhau ở cõi trời cả thấy.

Nghe vua cha phán như vậy, nàng vật vả than khóc và hoảng hốt đến bất tỉnh trong nơi ấy. Khi đó, ông *Kandahāla* đã làm xong cái hầm để tế thần lửa, liền bảo các quân dẫn Bồ Tát đến gần miệng hầm. Ông lấy sẵn mâm vàng để hứng máu, rồi vội đứng dậy đi lấy gươm, định chặt đầu tất cả.

Lúc đó, nàng *Canda* thấy cử chỉ ông *Kandahāla* như thế, nàng hoảng hốt không biết đâu là nơi nương tựa. Nàng nghĩ rằng: *"Giờ đây không có chi nương cậy bằng sự ngay thật, cái quả của sự ngay thật là nơi nương nhờ vững chắc của chúng ta, có thể đem lại sự an vui được."* Nghĩ vậy nàng đưa hai tay lên khỏi đầu rồi cầu nguyện: *"Thưa Chư Thiên, đây là lời thành thật của tôi, ông Kandahāla này là kẻ vô trí tuệ, không có giới đức, là người không chân thật, không hạnh kiểm, sự thật là thế. Do lời thành thật này, cầu mong oai lực Chư Thiên, nhất là Đức Đế Thích và Tứ Đại Thiên vương hãy ủng hộ chúng con cho thoát khỏi tay kẻ độc ác, đừng cho con lìa xa chồng con trong lúc này."*

Ngay khi *Kandahāla* cầm gươm định cắt cổ Bồ Tát trước, khi ấy khiến ngài vàng đức Đề Thích nóng lên, Ngài hiểu rõ nguyên nhân ấy mới hiện xuống cầm cái dùi bằng sắt, cỡ lớn như cây dừa và một cái đục phát hoả cháy đỏ rồi bay qua bay lại trên hư không la lớn dọa rằng:

- Ông vua ngu si và ông Bà la môn ác độc kia! Các người được thấy rõ từ xưa đến nay trong nơi nào, ai dạy bảo "Cúng dường lửa bằng máu rồi được sanh lên cõi trời?" Ai chỉ dạy các người đường lối này. Cả hai người hãy mở mắt Hoàng hậu và tất cả các vị hoàng gia, nhất là Hoàng tử Canda cho mau, nếu còn chần chờ ta sẽ đục cái đầu các người bằng cái đục cháy đỏ này cho bể vụn ra bảy mảnh.

Vua và ông Bà la môn *Kandahāla* sợ hãi vội tha tất cả. Ông Bà La môn bị mọi người đánh tới chết đi thọ khổ trong cõi địa ngục. Mọi người định giết vua nhưng Bồ Tát ngăn cản chỉ đuổi khỏi xứ. Sau đó, Bồ Tát lên làm vua. Ngài bèn tu chỉnh việc triều chính, tha tội các tù nhân, giúp đỡ dân nghèo, nên trong nước toàn dân đều được an cư lạc nghiệp, thái bình. Đức Bồ Tát trị nước theo vương pháp, sau khi mãn tuổi thọ được sanh lên cõi trời.

-ooOoo-

7- Bồ Tát VIDHURA hành pháp CHÂN THẬT BA LA MẬT ***Sacca Pāramī***

1. *Sacca pāramī*:

Tư cách không nói dối bởi vì lý do vợ con hay tài sản, như thế gọi là chơn thật đến bờ kia.

2. *Sacca Upapāramī*:

Tư cách không nói dối bởi vì lý do tứ chi lớn nhỏ của Ngài, như thế gọi là chân thật đến bờ trên.

3. *Sacca Paramattha pāramī*:

Tư cách không nói dối bởi vì lý do sanh mạng của Ngài, như thế gọi là chân thật đến bờ cao thượng.

Câu chuyện hiện tại:

Tại Kỳ Viên tịnh xá gần thành *Sāvatthi*. Một hôm, Chư tỳ kheo tụ họp trong giảng đường bàn luận về Trí Tuệ Ba La Mật của Đức Thế Tôn: "*Ôi! Thật là hết sức phi thường, đức Thế Tôn của chúng ta đây, Ngài có rất nhiều trí tuệ tối thượng.*"

* Trí tuệ của Phật đầy đặn không thể đo lường.

* Trí tuệ của Ngài vượt quá quyền hạn của trời và người.

* Trí Tuệ Ba La Mật của Ngài, có sự hiểu biết xuất chúng, vô ngại trong tất cả các pháp, giác ngộ chân chánh trong Níp bàn. Chẳng có một ai có thể lướt qua trí tuệ của Ngài được.

Các câu đố của Sa Môn, Bà La Môn, vua, triệu phú, toàn những bậc có trí tuệ, đến tìm hiểu những điều thắc mắc, vì tể rất nan giải, Ngài đều giảng được tất cả và giảng rất phân minh. Ngài từ bỏ tể độ những kẻ ngã mạn dứt bỏ sự tương làm, hiểu quấy, trở nên ưa thích, phát tâm trong sạch có đức tin chân chánh trong Tam Bảo và thọ trì Tam quy, ngũ giới, thực hành chánh pháp, đạt đến Đạo quả Níp Bàn. Thật là kỳ diệu theo trí tuệ của Ngài.

Khi ấy, Đức Thế Tôn ngự trong hương thất, nhờ nhĩ thông Ngài hiểu rõ, rồi ngự đi đến phước xá, vào ngồi trên bảo tọa rồi bảo rằng: "Trí tuệ của Như Lai trong kiếp cuối cùng này, dầu là xuất chúng nhưng cũng không xuất chúng bằng, vì nay Như Lai đã giác ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác rồi. Thuở trước Như Lai trí tuệ còn kém là còn tu hạnh Bồ Tát, mà trí tuệ đã sắc bén. Ta đã chinh phục được Dạ Xoa Purannaka, khiến Dạ xoa quy phục, từ bỏ tà kiến, ngã mạn, trở nên bác ái, đây mới đáng là huyền diệu.

Câu chuyện quá khứ:

Thuở xưa, có vị vua tên *Dhanañjaya* Koraba, trị vì xứ *Campāka*. Ngài có một vị trí thức tên Vidhura dạy đạo pháp cho Ngài và những vị vua khác luôn cả toàn dân trong quốc độ. Vị ấy có lời nói tao nhã, là một pháp sư cao quý. Ngài thuyết pháp rất du dương trong khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, làm cho công chúng nhất là đức vua rất vừa lòng ưa thích. Ai được nghe pháp của Bồ Tát Vidhura rồi cũng không muốn trở về nhà.

Vị thức giả Vidhura có thể giải đáp câu hỏi về pháp lý của tất cả người trời Phạm Thiên.

Nguyên trước kia có bốn người Bà la môn quý phái có đức tin trong sạch xuất gia tu làm đạo sĩ ẩn nơi rừng tuyết sơn. Cả bốn vị đều đắc thiền định thần thông giống nhau.

Thời gian sau, bốn vị đạo sĩ đi đến quốc độ *Campāka* gặp được bốn nhà phú gia là bạn thân. Bốn vị này thấy các đạo sĩ lục căn đều thanh tịnh nên phát tâm hoan hỷ thỉnh về nhà mình, họ chia nhau mỗi người một vị để cúng dường hộ độ. Sau khi các đạo sĩ thọ thực xong mỗi vị tìm nơi an nghỉ khác nhau. Một vị đạo sĩ nghỉ trưa tại *Thiên cung Đạo lợi*, một vị tại *Long cung*, một vị bay lên núi tuyết sơn, nghỉ tại cánh giới của *Đại bàng vương* (Kim Xí Điểu), vị còn lại nghỉ tại *vườn thượng uyển của Vua*. Mỗi vị đạo sĩ thấy sự nghiệp đế vương của mỗi vị Vua ấy là nơi đáng ngưỡng mộ. Nên trở về ngợi khen sự sang cả của bốn Đức vua ấy cho mỗi vị thí chủ của mình nghe. Cả bốn người cận sự nam đó, sau khi nghe đều phát tâm ưa thích mong muốn được sanh trong những cõi ấy. Do vậy, họ cố gắng tinh tấn làm nhiều việc công đức như: *Bố thí, trì giới, tham thiền* luôn khi. Sau khi chết, họ được sanh vào cảnh giới như ý nguyện, mỗi người được sanh vào một cõi khác nhau do năng lực của phước báu. Cả bốn người đều được sanh lên làm vua trong mỗi xứ khác nhau. Một vị được sanh làm đức Đế Thích, một vị được sanh làm chúa rồng, một vị được sanh làm chúa Đại bàng, vị nữa được sanh làm Hoàng tử Koraba, con của vua *Dhanañjaya* ở cõi người.

Mỗi quốc độ đều khác nhau, song một ngày nọ các vị vua đều có sự suy nghĩ giống nhau, họ muốn tìm nơi thanh tịnh để thọ trì "*Bát quan trai giới*". Bốn vị vua ở bốn cõi đến tu thiền trong vườn thượng uyển của đức vua. Sáng sớm ngày ấy, bốn vị ra khỏi chỗ tọa thiền đến gặp nhau gần ao sen. Khi thấy nhau bèn phát tâm yêu mến thích

nhau và được kết bạn thân ái với nhau một cách chặt chẽ. Đây là do kiếp trước họ đã là bạn thân với nhau. Bốn vị Đế Vương cùng nhau ngồi đàm đạo nhưng có sự nghi ngờ lẫn nhau.

Vua trời Đế Thích cho rằng: *"Giới tôi trong sạch hơn tất cả bởi vì tôi dám bỏ sự dục lạc quý cao của Chư Thiên, lại giữ giới trai tịnh tại chỗ này."*

Vị Long Vương lại nói: *"Giới của tôi mới cao thượng, vì Điều vương là kẻ thù của Long Vương, nhưng tôi không oán giận, do thế tôi cao thượng."*

Điều Vương thì cho rằng: *"Giới của tôi mới cao thượng vì Long Vương là thức ăn ngon mà tôi nhịn bụng không làm tội, do thế tôi cao thượng hơn."*

Cả 4 vị vua đều giành lấy sự trong sạch phần hơn của mình, mỗi vị không dứt khoát được, vì không biết ai trong sạch hơn. Bèn dẫn nhau đến vị trí thức Vidhura là Bồ Tát xin Ngài xử cho.

Khi ấy Bồ Tát Vidhura được nghe lời tường thuật của bốn Đức vua rồi, bèn tâu rằng: *"Giới đức của bốn vị vua đều có phước báu bằng nhau, không cao không thấp, vì các Ngài thọ trì giới trong sạch giống như nhau, bốn vị đều dứt bỏ phiền não dục và vật chất thế gian trong sự sang cả của đế vương giống nhau. Người nào dứt tánh lười biếng và không ưa thích sự cao sang trong ngũ dục, không nói lời nhảm nhí vô ích, không tỏ điểm thân thể, tiết độ trong thực phẩm. Như thế, cả bốn Đức vua chỉ khác hoàng tộc Đại vương cao thấp nhưng đều thọ ngày trai giới như thế này, nên được gọi là thanh tịnh giới giống nhau cả."*

Khi được nghe Đức Bồ Tát trả lời như thế, các vị vua đều rất phi lạc và thoả thích trong sạch, đồng tán dương hoan hỷ Ngài. Rồi mỗi vị vua cúng dường pháp bảo bằng những viên ngọc vô giá.

Vua trời Đế Thích ban cho Bồ Tát một bộ y báu có màu như hoa sen tinh khiết và nói rằng: *"Tôi xin dâng cúng một bộ y vô giá đến pháp trí của Ngài."*

Điều Vương cũng nói *"Tôi xin dâng cúng hoa vàng có đủ 100 mùi hương, có nhụy như ngọc báu đến pháp trí của Ngài."*

Long Vương cúng dường ngọc Mani có hào quang sáng chói và nói: *"Tôi xin cúng dường đến pháp trí của Ngài."*

Vua *Dhanañjaya* cúng dường 1000 bò sữa, 1 tượng bạch, một long xa và mười ngựa tốt để kéo long xa...

Bốn vị vua sau khi dâng tặng cho Bồ Tát với tâm phi lạc thoả thích, bèn từ giả Ngài để trở về cung điện của mình.

Trong khi long vương Varuma về đến xứ rồi, nữ long vương là Hoàng hậu không thấy ngọc *Mani* thường đeo ở cổ nên tâu hỏi ngọc ấy. Long vương mới kể lại sự việc.

Hoàng hậu trong khi nghe thì tỏ ý muốn được thính pháp của bậc trí tuệ, bà bèn giả vờ lâm trọng bệnh muốn dùng gan, tim của vị thức giả Vidhura nếu không chắc chết. Long vương buồn rầu không biết tính sao. Lúc ấy công chúa của Long vương vì thương cha mẹ nên xin phụ hoàng cho nàng lãnh trách nhiệm đi lấy lá gan của Bồ

Tát. Nàng mới trang điểm mình rất đẹp xong lễ tạ ra đi. Đến núi Kàlàgiri, nàng hát bằng giọng thanh tao lạnh lốt rằng: "*Nếu người nào có thể lấy lá gan của Vidhura bậc trí giả được cho tôi, thì tôi sẽ phụng sự bên chân người ấy suốt đời.*"

Giờ phút ấy Dạ xoa Puranaka là cháu của một trong bốn vị Tứ Đại thiên vương, cỡi con như ý mã bay trên hư không. Vừa khi được nghe giọng hát quá hay của nàng Long nữ, Dạ xoa gần như quên mình mới giục ngựa xuống hỏi. Sau khi biết được rõ cơ sự ấy, Dạ xoa cùng Long nữ liền dẫn nhau đi giao kết đôi trước Long vương Varuna là phụ hoàng của nàng rằng:

- Tôi có thể đi lấy lá gan của bậc đại trí thức Vidhura lại dâng cho Hoàng hậu dùng.

Nói về vua *Dhanañjaya Koraba*, trị nước theo vương pháp, luôn bố thí từ giới, tu thiện, không vi phạm điều ác, song Ngài còn mê đánh cờ tướng ăn cuộc. Hôm ấy, Vua đang cùng với 101 vị vua chơi cờ trước sân rồng. Dạ xoa hóa mình làm người nam vào xin chơi cờ, cả cuộc rằng: "*Nếu tôi thua xin dâng viên ngọc ma ni với con như ý mã, nếu Đức vua thua thì giao hết cả tài sản trong nước chỉ trừ bà Hoàng hậu và vương vị.*"

Kể đó Dạ xoa làm cho Đức vua lẫn lộn trí nhớ do oai lực của mình khiến Đức vua phải thua. Song Dạ xoa không thọ dụng tài sản gì cả, hiến lại cho Đức vua cả thầy chỉ xin lấy một vị trí thức Vidhura mà thôi, Đức vua không bằng lòng. Dạ xoa thấy Đức vua phân vân, nên tâm rằng:

- Thưa Đại vương, thông thường sự đánh cá khi ăn lúc thua. Nếu Đại vương thắng thì được vật báu, hôm nay chẳng may Đại vương thua, thì hãy cho đến tôi đức Bồ Tát dùng thương tiếc.

- Nay thanh niên, Ta không quên lời hứa, Ta sẽ cho người tất cả, ngoại trừ ngai vàng, thân của ta và Hoàng hậu.

- Tâu, tôi không dùng các báu vật ấy, tôi chỉ xin Đại vương hãy cho tôi Đức Bồ Tát Vidhura mà thôi.

- Nay thanh niên, vị trí thức Vidhura là thân của ta, là nơi nương tựa tiến hóa của ta. Đức Bồ Tát tương đương với sanh mạng của ta.

- Tâu Đại vương, vậy chúng ta hãy cùng đi đến gặp đức Bồ Tát để Ngài phân xử.

Khi ấy Đức vua cùng với 101 vị vua khác cùng đi với người thanh niên đến Đức Bồ Tát. Ngài bèn cho mời Bồ Tát đến phân xử. Dạ xoa gọi Bồ Tát hỏi rằng:

- Tôi có nghe các vua và Đại thần khen Ngài là bậc có thiện pháp và duy trì thiện pháp rất chân chánh, không nói lời giả dối để bảo vệ mạng sống. Danh tiếng của Ngài bay khắp cả thiên hạ. Hôm nay tôi được biết Ngài là người hằng gìn giữ thiện pháp, tôi hết lòng tin tưởng trong việc xử đoán của Ngài. Thưa bậc thiện trí, xin Ngài phân xử theo công lý, vậy có phải Ngài là thân quyến của Đức vua không?

Bồ Tát nghĩ, nếu ta tự xưng là thân quyến của Vua, thì mọi việc đều vô hại, ta sẽ không bị Dạ xoa bắt, nhưng lời nói đó không ngay thật. Ta không nên nghĩ đến thân và sanh mạng này, ta phải nói lời chân thật không được giả dối. Nghĩ thế rồi Bồ Tát xử đoán một cách ngay thẳng không chênh lệch rằng:

- Ta là bề tôi của đức vua, không phải là hoàng thân quốc thích. Ta sẽ phải đi với người.

Nghe sự phán xử của Bồ Tát, Dạ xoa vỗ tay reo mừng, chỉ riêng Đức vua lòng buồn ngậm ngùi thương tiếc đức Bồ Tát, nếu để người thanh niên dẫn Bồ Tát đi theo ý muốn của hắn. Từ nay ai sẽ là người thuyết pháp cho ta nghe, vậy ta nên thỉnh đức Bồ Tát thuyết pháp lần cuối cùng. Nghĩ vậy, Đức vua thỉnh Bồ Tát lên bảo tọa để thuyết pháp.

Đức Bồ Tát liền thuyết bốn pháp tại gia để hiển Đức vua là:

1. Đừng thọ dụng tài sản một mình, đừng đọc sách vô ích.
2. Thấy con, vợ kẻ khác nghĩ cũng dường như mẹ của mình chớ dễ dãi.
3. Thấy vật của người khác cần quán tưởng rằng giống như cục đất.
4. Tinh tấn dứt của bồ thí luôn khi.

Sau đó, Bồ Tát giáo huấn vợ và những người con bằng pháp sẵn giành cho nhà vua.

Làm công việc gì cần phải có trí tuệ, có giới đức trong sạch, phải suy xét cho chu đáo cẩn thận, xem điều nào là quấy phải, tội phước rồi hãy làm. Đừng quá lo sợ, cũng đừng quá dạn dĩ, không nên thiên vị vì thương, vì ghét, vì sợ hay vì si mê phải sáng suốt trong công việc.

Sau khi dặn dò thân bằng quyến thuộc xong, Bồ Tát bái tạ Đức vua là chủ của mình. Đức vua nghe qua lấy làm cảm động, đau lòng trước cảnh biệt ly với Bồ Tát. Vợ con của Bồ Tát, cùng chúng dân cũng đều than khóc, kẻ lễ trước giờ phút tiễn đưa. Bồ Tát dùng trí tuệ quán tưởng ba tướng "*Vô thường, Khổ, Vô ngã*", Ngài bèn giảng giải cho mọi người thấy rõ tất cả vạn vật trên thế gian nay đều thay đổi không bền vững. Do đó mọi người hãy tu tập thiện pháp, lánh dữ làm lành, bồ thí, trì giới cho trong sạch..

Giảng giải xong, Bồ Tát xoay qua nói với Dạ xoa, Ta đã làm xong bổn phận, vậy ông hãy dẫn Ta đi tùy theo ý muốn.

- Vậy bậc trí tuệ, người hãy nắm chặt đuôi ngựa của tôi đi. Đường mà chúng ta phải đi rất xa, Ngài đi chuyến này không mong gì trở lại gặp được người thân trên thế gian này nữa.

- Nay thanh niên, Ta không lo sợ chi cả, vì những nghiệp ác dẫn người đi thọ sanh trong cảnh khổ, Ta đã tránh khỏi rồi. Do vậy, tâm Ta không hồi hận lo sợ chi cả.

Đức Bồ Tát tỏ lời như thế, tâm Ngài không còn chi lo sợ, rất dạn dĩ như sư tử vào rừng. Bồ Tát chú tâm phát nguyện rằng: "*Xin cho y phục dính chặt vào thân ta mãi, dù cho thanh niên này mang ta đi đến bất cứ nơi nào.*"

Khi ấy Dạ xoa cho đức Bồ Tát theo sau đuôi ngựa rồi bay lên không trung. Dạ xoa nghĩ nên đi theo đường núi Tuyết Sơn cố ý làm cho Bồ Tát va vào đá vào cây cho chết, để mô tim đem dâng đến Hoàng hậu. Dạ xoa đập Ngài vào núi đá ba lần, quăng lên trên gió độc rơi xuống ba lần, nhưng nhờ pháp Ba la mật bảo vệ Bồ Tát vẫn vô hại, tuy nhiên Bồ Tát rất khổ thân vì phải bám chặt đuôi ngựa, bay qua bay lại trên không trung. Dù khổ thân đến đâu, Bồ Tát vẫn bình tĩnh điềm nhiên không chút lo sợ, gương mặt Ngài luôn trong sáng ví như đoá hoa sen vừa chớm nở. Biến hóa đủ cách mà không giết được Bồ Tát, nên Dạ xoa nghĩ rằng: "Ta giết người này không được,

vậy ta phải dùng tay." Rồi Dạ xoa nắm chân liêng Bồ Tát lên không trung rơi xuống đất ba lần như vậy Bồ Tát vẫn không chết. Giết cả thầy chín lần Bồ Tát vẫn an nhiên vô hại, do nhờ oai lực pháp chân thật của Bồ Tát đó vậy.

Dạ xoa dừng ngựa xem thấy Bồ Tát vẫn tươi tỉnh như thường, khiến Dạ xoa khiếp sợ oai đức, bèn đem Bồ Tát để lên đỉnh núi và cúi đầu lễ bái xin lỗi đức Bồ Tát. Bậc trí thức Vidhura bèn giáo huấn cho Dạ xoa dứt trừ những thói dữ và thọ trì 5 giới.

Với oai nghiêm thanh nhã như bậc chánh Đẳng Chánh giác, Đức Bồ Tát thuyết về pháp *Sādhudhamma* (Pháp tốt đẹp). Nay ông *Sādhudhāma* có 4 phần là:

- 1- *Phải đi theo người đã đi trước.*
- 2- *Không nên đốt tay ướt.*
- 3- *Đừng phản bạn, đừng hại bạn,*
- 4- *Đừng ở trong quyền lực của người có ác pháp.*

Được nghe pháp tóm tắt như thế, Dạ xoa không hiểu bèn hỏi rằng: Bốn điều này là thế nào?

1- *Điều thứ nhất có ý dạy rằng:* Người nào có ân với mình, mình phải tìm dịp báo ân, dầu người ấy mình chưa quen biết, chưa từng sống chung, nhưng khi gặp ta họ lại niệm nỡ mời ngồi, chỉ có bấy nhiêu, dù là chưa được ăn uống gì, cũng gọi là người đi trước. Những người biết ơn, không cầu trả, luôn nhớ ơn, được gọi là kẻ đi theo người đi trước.

2- *Không nên đốt tay ướt:* Mình được nương tựa trong nhà người rồi, nên tỏ lòng tri ân người đã giúp đỡ mình.

3- *Không nên phản bạn, hại bạn:* Âm chỉ người nào đã thi ân đến ta, thì ta đừng mưu tính hại họ, chỉ nên nghĩ đến điều tốt của họ và tìm cách làm điều lợi ích đến họ. Kẻ bạc nghĩa quên ơn người, làm hại người ân gọi là phản bạn, là kẻ đê tiện, tội lỗi. Không riêng về người ân, dù là dưới cội cây mà mình đã vào nghỉ mát, cũng không nên quên ân mà làm cho rụng lá, gãy cành.

4- Điều nói: *"Đừng ở trong quyền lực của người có ác pháp"* là dạy người không nên chịu theo phụ nữ. Thông thường phụ nữ mà người nam đã cho gia tài của cải, hoặc của cải nhiều như vua Chuyển Luân vương có đủ bảy báu cho đến người nữ rồi, cũng không nên tin lòng họ, nghĩ rằng người ấy chỉ yêu thương riêng một mình ta. Phụ nữ khi có bạn trai hằng khinh rẽ chồng. Nhân đó, gọi là người có ác pháp. Người có trí tuệ không bao giờ ở trong quyền lực của phụ nữ, không phạm tà dâm gọi là không chịu theo quyền lực của người có ác pháp.

Khi Bồ Tát thuyết bốn pháp vừa dứt, Dạ xoa suy nghĩ rằng: "Bậc trí tuệ, đã hóa độ ta trong bốn pháp."

Thật vậy, bậc trí tuệ đã có cúnng đường đến ta rồi. Ta với bậc trí tuệ chưa từng gặp nhau lần nào. Bậc trí tuệ đã thi ân đến ta, nay ta làm hại Ngài cũng vì phụ nữ. Nếu xét rõ ta là kẻ phản bạn, hại bạn trong lúc này. Thế gọi là *không được đi theo người đi trước, là kẻ đốt tay ướt, là kẻ phản bạn và cũng là kẻ ở trong quyền lực của phụ nữ có ác pháp.* Ôi! càng xét càng thấy ta là người không tốt, rất xấu xa.

Rồi Dạ xoa bèn tỏ lời rằng: "Kính bạch Ngài! Sở dĩ tôi cố ý sát hại bậc trí tuệ, là vì mong lấy lá gan của Ngài dâng cho Hoàng hậu Vimala để lấy nàng Irandati làm vợ vậy xin Ngài đừng đi đến đó. Hễ đi chắc là Long Vương Varuna bảo giết Ngài lấy gan cho bà Hoàng hậu ăn chẳng sai, tôi xin đưa Ngài trở về cõi người."

Đức Bồ Tát nghe những lời như thế thì hiểu liền rằng chắc Long nữ ấy muốn nghe pháp, mới bảo Dạ xoa Puranaka cho đưa Ngài đến cõi rồng đừng lo nghĩ đến sự chết.

Dạ xoa chở đức Bồ Tát đến cõi rồng, Vua Long vương cùng Hoàng hậu vui thích cho sửa soạn vật thực và pháp tọa rồi thỉnh đức Bồ Tát thuyết pháp.

Tâu Đại vương là bậc vua chúa cõi rồng, khi Đại vương đã nhận sự hạnh phúc cao sang quyền quý, thì chẳng nên cầu thả, say mê để vị. Điều này là tội, Đại vương đừng bần lòng tạo những nghiệp ác ấy, nên cố gắng gieo trồng cội phúc. Nghiệp lành nào làm cho để vương được bền vững và hạnh phúc trong kiếp vị lai lâu dài, Đại vương hãy tinh tấn tạo thêm đừng bỏ qua và quyết tâm không cho vi phạm, dù là tội ác nhỏ nhen.

- Nay bậc trí tuệ, trăm muốn bỏ thí, nhưng cõi Long cung không có Sa môn và Bà la môn, vậy phải làm thế nào, để bổ túc các điều thiện, nhờ bậc trí tuệ giảng giải!

- Tâu, nếu Đại vương ước mong như vậy cần phải đề nên sự sân hận, thấy tội phát sanh trong tâm nên chế ngự cho giảm bớt, đừng chiều theo tâm ác, nên rải tâm từ đến tất cả đừng phân biệt giai cấp, nên cố gắng hành thiện pháp bằng thân, khẩu, ý trọn lành. Khi Đại vương thực hành như thế rồi sẽ được an vui, đến hết tuổi thọ sẽ được sanh lên thiên giới.

Ngài thuyết pháp giáo huấn cho tất cả, nhất là Long Vương và Hoàng hậu có tâm phi lạc thỏa thích nguyện làm môn đệ của Ngài. Riêng Dạ xoa cũng được nàng Irandati làm vợ.

Chú giải:

Đức Bồ Tát nói bằng sự thật: "*Ngài là bề tôi của Đức Vua*" cho kết quả mười Ba La mật:

1- Đức Bồ Tát không lo ngại với của cải và sanh mạng chỉ mong Đức vua giữ được lời hứa với Dạ xoa nên nói lời chân thật, đó là *Bồ thí Ba la mật*.

2- Nói lời chân thật không giả dối là *Trì giới Ba la mật*,

3- Có tâm suy nghĩ chín chắn rồi mới nói ra. Vì suy xét thấy điều tội lỗi của nói dối nên phải tránh xa dù có phải dứt bỏ sự sống, đó là *Xuất gia Ba la mật*.

4- Suy xét theo trí tuệ rồi mới nói ra, là *Trí tuệ Ba la mật*,

5- Có tâm vô ngại không hổ thẹn với tiếng "*Ta là bề tôi của Đức Vua*", không ngã lòng vì quyền lực mà nói, là *Tinh tấn Ba la mật*.

6- Sẵn sàng chịu đựng những điều khổ cực mà Dạ xoa sẽ hành hạ Ngài, là *Nhẫn nại Ba la mật*. 7- Nói ra lời ngay thật, không tự xưng là thân quyến với Đức vua để thoát chết, đó là *Chân thật Ba la mật*.

8- Nói lời chánh đáng, chỉ quyết định nói theo chân lý, tránh không nói lời dối trá, chỉ nói lời xác thật, rồi giữ vững quyết tâm, đó là *Quyết định Ba la mật*.

9- Không oán giận Dạ xoa sẽ làm hại mình, đó là *Bác ái Ba la mật*.

10- Đức Bồ Tát nghĩ rằng Dạ xoa đem ta đi làm điều gì cũng mặc tình tùy sở thích, ta sẽ gắng chịu những khốn khổ. Suy xét như vậy rồi, Ngài vẫn điềm nhiên, dù cho khổ não có xảy ra, đó là *Xả Ba la mật*.

-ooOoo-

8- BỒ TÁT *NEMIRĀJA* hành pháp CHÍ NGUYỆN BA LA MẬT ***Adhiṭṭhāna Pāramī***

1. Adhiṭṭhāna Pāramī:

Dù cho vợ con của Bồ Tát có gặp cảnh khốn khổ đến đâu chẳng hạn, Ngài cũng không thay đổi bỏ các thiện pháp đã thọ trì ấy. Sự nhất tâm chắc chắn như thế gọi là nguyện lực đến bờ bên.

2. Adhiṭṭhāna Upapāramī:

Dù cho có sự khốn khổ về thân thể đến đâu, Bồ Tát cũng không thay đổi các thiện pháp, gọi là chí nguyện đến bờ trên.

3. Adhiṭṭhāna Paramattha Pāramī:

Dù cho có sự khốn khổ đến sanh mạng cũng không thay đổi, bỏ các thiện pháp, gọi là chí nguyện đến bờ cao thượng.

Câu chuyện hiện tại:

Thườ Đức Thế Tôn là đấng giáo chủ của trời người khi Ngài ngự nơi Kỳ Viên Tịnh Xá. Một hôm, Chư Tăng hội họp trong giảng đường, tán dương oai lực của Đức Thế Tôn. Nhờ nhĩ thông, đức Thế Tôn hiểu được, Ngài ngự đến giảng đường hỏi Chư Tăng rằng: "Các ngươi luận bàn điều chi?"

Các vị tỳ kheo bạch rằng: "*Chúng con không nói chi khác hơn là bàn về Đức Thế Tôn đã từ bỏ ngai vàng xuất gia tầm đạo.*"

- Như Lai không chỉ xuất gia trong kiếp cuối cùng này đâu, trong các kiếp trước cũng có xuất gia.

Một hôm, đức Thế Tôn ngự nơi vườn xoài của đức vua, Ngài bảo rằng:

- Này *Ānanda*, đây là kinh đô mà ngày xưa Như Lai đã sanh ra là Hoàng Đế *Maghadevarāja*. Rồi đức Thế Tôn giảng tiếp:

Câu chuyện quá khứ:

Trong thời quá khứ, có vị Vua *Maghadevarāja* trị vì xứ *Mithilā* tuổi thọ rất lâu, nhưng Ngài không say mê danh lợi, Ngài thường xuyên xuất tài sản bố thí và luôn giữ giới

trong sạch, thường tu tập lòng từ bi và niệm về thiện định. Vua dặn người thị thần hót tót: "*Khi nào thấy có tóc bạc thì tin cho hay để trầm đi xuất gia.*"

Thời gian sau, khi thấy tóc bạc vua truyền ngôi lại cho con, Ngài từ giả xuất gia làm đạo sĩ. Trước khi ra đi, Đức vua dặn dò Hoàng Tử: "*Này con thân! Khi nào thấy có tóc bạc, con nên xuất gia ngay, chớ bỏ qua truyền thống nhà ta.*" Rồi Bồ Tát xuất gia tu thiền về "*Tứ vô lượng tâm*" hết 24.000 năm, đắc 8 Thiên chứng (Samapatti) và thân thông thể gian, đến khi hết tuổi thọ được sanh về cõi trời Phạm Thiên. Cộng tuổi thọ của Đức vua là 9 muôn 6 ngàn tuổi.

Các Hoàng tử về sau làm vua kế nghiệp theo đường lối xuất gia, luôn đến 84.000 vị, đến lúc thăng hà cũng sanh lên Phạm Thiên cả thảy. Về sau có 2 vị vua kế nghiệp đề vương không theo truyền thống ấy nên gia phong bị tiêu hoại. Khi ấy Maghadeva Đai Phạm Thiên xét thấy sợ truyền thống cao thượng bị tiêu hoại, nên tái sanh vào bụng bà Hoàng hậu của Đức vua xứ ấy. Khi được sanh ra, Ngài được đặt tên là *Nemirāja* vì các quân Sư tiên đoán: Hoàng tử ở đây đi rồi trở lại nổi giòng cũ.

Lớn lên, Ngài kế vị vua cha hằng sống theo thiện pháp và thuyết pháp dạy dân về những điều thiện hạnh nên làm và những điều bất thiện không nên làm. Hễ ai thực hành theo Ngài đều được sanh thiên giới sau khi chết. Một hôm Ngài suy xét: "*Có quả báu chi cao thượng hơn Bồ thí, trì giới, tham thiền mà ta đã làm chăng?*"

Khi ấy có vị trời đáp rằng: "*Xuất gia là cao thượng, như tôi đây, tôi chỉ hộ độ cho các đạo sĩ nên được sanh trong cõi trời Đạo lợi Dục Giới thiên, còn các vị đạo sĩ ấy thì được sanh về cõi trời Phạm Thiên Sắc Giới.*"

Nói xong, đức Đế Thích trở về cõi Chư Thiên và thuật lại tự sự, liền đó Chư Thiên đang hội họp ở thánh pháp đường, yêu cầu vua trời Đế Thích rước Đức vua *Nemirāja* đến đây, vì chính Ngài là thầy của chúng tôi. Khi ấy, Chư Thiên đồng tâm rằng: "*Nhờ Đức vua Nemirāja khuyên bảo, chúng tôi mới tạo được nhiều phước đức, nhờ những nghiệp lành này, nên sau khi thác chúng tôi đều được sanh lên cõi Đạo Lợi thiên cung này, hưởng phước cõi trời như mong muốn. Nay chúng tôi nhớ đến công đức của vua và muốn thấy mặt Ngài lắm.*" Thiên tử *Mātali* bèn vâng lệnh đức Đế Thích sửa soạn xe trời đón Đức vua và đưa cho Ngài đi xem các cõi Trời và các cõi Địa ngục. Sau thời gian 7 ngày, Đức vua trở về cõi nhân gian và thuật lại cuộc hành trình mà Ngài đã được thấy rồi giáo huấn cho nhân dân cùng biết.

Cõi trời có nhiều đền đài cao đẹp bằng bảy báu, rất là an vui và hạnh phúc. Nếu ai mong được sanh về cõi trời, cần phải tu hành tinh tấn như: *Bồ thí, trì giới, nghe pháp, thọ Bát Quan trai* cho trong sạch, khi hết tuổi thọ sẽ được sanh vào cõi an vui.

Ngược lại, nếu chúng sanh vì vô minh ái dục không tin có cõi trời và địa ngục, gây tạo biết bao nghiệp ác như: *Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu*, chắc chắn người ấy sẽ phải chịu muôn vạn đau khổ sau khi từ trần.

Đức vua *Nemirāja* không say mê sự nghiệp đế vương, và không bao lâu khi thấy tóc bạc đã phát sanh rõ rệt, Ngài liền từ bỏ vương vị xuất gia làm đạo sĩ nhất tâm trong chí nguyện tuệ giác (*Bodhināna*) hành pháp "*Tứ Vô Lượng Tâm*", đến khi mạng chung được sanh lên cõi Phạm Thiên.

9. BỒ TÁT *SUVANNASAMA* hành pháp TỪ ÁI BA LA MẬT *METTĀ PĀRAMĪ*

1. *Mettā Pāramī*:

Sự rải lòng từ ái đến tất cả chúng sanh, dù kẻ ấy có hãm hại vợ con của Ngài, Ngài cũng không hận lại, như thế gọi là Ngài tu hạnh từ ái đến bờ kia.

2. *Mettā Upapāramī*:

Sự rải lòng từ ái đến tất cả chúng sanh, dù kẻ ấy có hãm hại đến các tứ chi lớn nhỏ của Ngài, như thế gọi là Ngài tu hạnh từ ái đến bờ trên.

3. *Mettā Paramatthapāramī*:

Sự rải lòng từ ái đến tất cả chúng sanh, dù kẻ ấy có hãm hại đến sanh mạng của Ngài, như thế gọi là Ngài tu hạnh từ ái đến bờ cao thượng

Câu chuyện hiện tại:

Tại chùa Kỳ Viên (Jetavana), có một thanh niên con ông Bá Hộ xuất gia tu hạnh ở rừng 12 năm không kết quả. Sau được tin cha mẹ bị sa sút thành người ăn xin, tỳ kheo đó bèn từ rừng trở về, đi khát thực nuôi dưỡng cha mẹ, lắm khi tự nhịn ăn. Đức Thế Tôn biết được liền ngợi khen vị tỳ kheo đó như sau: "*Người phụng dưỡng cha mẹ thật đúng đắn theo đường lối của Như Lai vậy*", Thế Tôn mới dẫn tích đạo sĩ *Suvannasāma* là tiền kiếp của Như Lai trong quá khứ như sau:

Câu chuyện quá khứ:

Có người nam tên Dukura và người nữ tên *Pārikā*

Được cha mẹ đôi bên đính hôn từ thuở nhỏ. Nhưng vì hai vị này từ cội Phạm Thiên giáng sanh xuống làm người, nên không có sự luyện ái ngũ dục dù sống chung với nhau. Lúc cưới hỏi xong cả hai liền từ gia cha mẹ đi xuất gia làm đạo sĩ và đạo sĩ ni.

Vua trời Đế Thích hiểu rõ tiền nghiệp cả hai đạo sĩ ấy khi đến già cả hai sẽ bị mù mắt, không có người hộ độ nên hiện xuống yêu cầu hai vị gần gũi cho có con.

Đức Bồ Tát được sanh ra từ hai vị Đạo Sĩ đó và có tên là *Suvannasāma*. Lớn lên vừa biết được mọi việc thì cha mẹ bị mù. Ngài phụng dưỡng cha mẹ hết lòng, mỗi ngày vào rừng hái trái ngon ngọt dâng đến cha mẹ. Phần Ngài thì luôn khi tham thiền về "*Từ vô lượng tâm*". Những loài thú thấy Bồ Tát có tánh hiếu đạo và nhất là hiền lành có từ tâm đối với mọi loài nên chúng hằng sống loanh quanh theo Ngài.

Một hôm trong khi đi lấy nước, Bồ Tát bị Đức vua Karaliyakkha xứ *Bārānasī* đi săn thú bắn nhầm. Vì tên có tẩm thuốc độc, làm cho Bồ Tát rất đau đớn, khổ sở, nhưng Ngài nghĩ rằng đây là quả khổ của nghiệp ác mà ta đã tạo, nên Ngài nhẫn chịu không oán trách chỉ than rằng: "*Ai là người giết tôi? Từ khi tôi sanh ra đến nay được 16 tuổi. Cha mẹ tôi và tôi chẳng bao giờ làm điều ác. Nay tôi chịu chết đã đành nhưng rất thâm thương, cha mẹ tôi đều mù biết lấy ai nương nhờ, người là ai mà đến đây hại tôi thế này? Cha mẹ tôi chắc sẽ từ trần, vì không ai phụng dưỡng*". Thờ than bay nhiều rồi Ngài bất tỉnh.

Đức vua nghe được hối hận lỗi mình làm, đi tìm hai vị đạo sĩ mù xin chịu lỗi và xin thay thế Bồ Tát nuôi dưỡng Cha Mẹ của Ngài.

Hai vị đạo sĩ sau khi nghe tin Bồ Tát chết, lấy làm thương cảm khóc than bèn nói lời chân thật và chủ nguyện rằng: *"Con của ta đây luôn thực hành tâm từ Ba La mật, là đứa con hiếu kính ... Do lời chân thật này xin cho thuốc độc tiêu tan!"*

Lúc ấy có nàng Thiên nữ từ núi *Gandhamādana* cũng bay đến phát lời chân thật nguyện rằng: *"Tôi trú trên núi này rất lâu, chỉ có đạo sĩ Suvannasāma là nơi yêu mến vừa lòng của chúng sanh. Do oai lực lời chơn thật này, xin cho thuốc độc được tiêu tan."* Liên khi ấy, nhờ đức tu trong sạch và tiền nghiệp đã hết nên Đức Bồ Tát được bình phục và hai mắt của cha mẹ Bồ Tát cũng được sáng tỏ như xưa.

Sau đó, Đức vua xin thọ giới tu theo Bồ Tát và trở thành vị đạo sĩ.

-ooOoo-

10. Bồ Tát *NĀRADA* hành pháp *XĀ BA LA MẬT* *UPEKKHĀ PĀRAMI*

1. Upekkhā Pāramī:

Tâm của Bồ Tát an trú không thiên vị đối với tất cả chúng sanh, dù có ân đức hoặc vô ân với Ngài, hay vô ân đối với vợ con của Ngài chẳng hạn, như thế gọi là xả đến bờ bên.

2. Upekkhā Upapāramī:

Tâm của Bồ Tát an trú không thiên vị đối với tất cả chúng sanh, dù có ân đức hoặc vô ân với Ngài, nhất là đối với tứ chi lớn nhỏ của Ngài chẳng hạn, như thế gọi là xả đến bờ trên.

3. Upekkhā Paramatthapāramī:

Dẫu có kẻ nào hại đến mạng sống hoặc cứu tử Ngài, nhưng Ngài vẫn giữ tâm điềm nhiên không xao động đối với những người ấy, như thế gọi là xả đến bờ cao thượng.

Câu chuyện hiện tại:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự an trong rừng tre gần thành *Rājagaha*. Sau khi Ngài thuyết Kinh Chuyển Pháp Luân (*Dhammacakkapavanasutta*) xong, Đức Thế Tôn ngự đi hóa độ ba anh em Kassapa thờ cúng thần lửa, nhất là Uruvelakassapa bỏ tà kiến và xuất gia trong giáo pháp, quy y làm đệ tử của Đức Phật.

Đại chúng đến xem Đức Thế Tôn dùng uy lực thần thông phi thường để nhiếp phục Uruvelakassapa, rất lấy làm khâm phục và ngợi khen Đức Phật có nhiều uy đức.

Đức Thế Tôn nghe được những lời như thế bèn nói rằng: "Này chư thiện tín! Như Lai nay đã giác ngộ rồi, hóa độ Uruvelakassapa không có gì là lạ thường đâu. Thuở xưa, khi Như Lai sanh làm Nārada Đại Phạm Thiên còn tham, sân, si, nhưng cũng đã chinh phục Uruvela-kassapa từ bỏ việc cúng dường thần lửa."

Câu chuyện quá khứ:

Thuở quá khứ có Đức vua hiệu là *Āṅgati* trị vì kinh đô *Mithilā* xứ Videha. Ngài có 3 vị đại thần đó là *Vijeya*, *Sumāna* và *Ālata*, những vị này thường xuyên luận bàn về việc triều chính trong nước.

Đại thần *Vijeya* và *Sumāna* là người chánh kiến. Riêng *Ālata* là người có tà kiến hiểu sai theo kiến thức của thầy Bà la môn *Gunāḥivaka* và thầy *Vijakadāsa*.

Đức vua có một nàng công chúa tên *Rucādevī* là quốc sắc, thiên hương, dù là nữ nhân nhưng đầy đủ trí tuệ và đại phúc đức nên Đức vua rất yêu mến, mỗi nửa tháng Ngài đều cấp cho công chúa 1000 lượng vàng để tạo phước tùy sở thích.

Các vị đại thần ấy hằng đem sự hiểu biết riêng biệt của mình mà tâu với vua lắm chuyện khác nhau.

Một hôm, vị đại thần *Vijeya* tâu rằng: xin bệ hạ hãy đi tìm kiếm để thân cận với các bậc Sa môn, Bà la môn hoặc bậc trí tuệ học cao hiểu rộng để được học hỏi và hành theo chánh hạnh. Đó là nơi trong sạch để được lợi ích trong đời này và kiếp sau.

Nhưng Đức vua lại nghe theo đại thần *Ālata* đến gặp thầy *Gunāḥivaka* là người tà kiến, không biết pháp gì mà giảng bèn nói lời tà kiến rằng: "*Chẳng có phước, chẳng có tội, không có quả báo, không có đời này, không có đời sau, dù có tinh tấn, bố thí, trì giới chỉ uống công vô ích, không có thiên đàng hay địa ngục ...*"

Lệ thường, vào ngày rằm, công chúa hay vào châu vua cha. Nàng tâu: "*Thưa phụ Hoàng! Ngày mai này là ngày Bát Quan trai giới có chư Thiên tụ họp, xin Phụ Vương cấp cho con 1000 đồng tiền vàng để con bố thí!*"

Đức vua thấy con vào châu, cùng ngồi chung với các bạn gái dung nhan xinh đẹp như ngọc nữ trên thiên cung, Vua rất hài lòng. Thường khi, Đức vua hay ban cho công chúa *Rucā* tiền của và nhắc nhở con bố thí. Nay Vua không cho nữa, vì tin theo tà sư thuyết rằng không có phước không có tội. Đức vua nói:

- Nay *Rucā*, con đã bố thí nhiều rồi, nay con đừng bố thí nữa, hãy nghỉ ngơi vui hưởng vật chất. Trước kia cha không biết, tưởng lầm rằng bố thí là có phước mới khuyên con làm, nay cha được gặp thầy đạo sĩ *Gunā* là vị giáo sư cao quý chỉ dạy cho cha biết không có phước, không có tội, không có lợi ích...

Lúc ấy, công chúa nghĩ đến ân đức của phụ hoàng: "*Ta chẳng nên phó mặc cho cha ta lỡ rơi mình vào trong địa ngục không gian (Lokantara - naraka) bởi vì tin theo thầy lừa thế ấy.*" Công chúa thấy cha chấp chặt theo tà sư, mới thương hại phục tâu khuyên rằng:

- Xin phụ hoàng rộng lượng từ bi đừng tin theo lời ông *Gunāḥivaka* ông ấy hiểu quấy, thấy sai, xin cha hãy từ bỏ tà kiến nếu không sẽ bị sa vào địa ngục không gian.

Tâu Phụ hoàng, thờ xưa bậc hiền trí có khuyên rằng, kẻ nào gần người si mê thì sẽ trở thành si mê tà kiến, phụ Vương thuộc dòng cao sang, có trí tuệ lại tin theo kẻ thấp hèn vô trí. Những lời của ông *Gunāḥivaka* là tội lỗi.

Tâu phụ hoàng! Con nhớ lại nhiều kiếp của con trong quá khứ, con xin hiến phụ hoàng nghe:

Trong kiếp quá khứ, con đã sanh làm người nam và đã hành động sai về tình dục với vợ kẻ khác. Con bị đọa vào địa ngục Roruva khổ một thời gian lâu dài, muốn phần thê thảm, không sao tả xiết. Sau khi mãn kiếp ra khỏi địa ngục cũng chưa hết tội con lại sanh làm lừa của vị đại thần, họ bắt thiến và dùng để cỡi hoặc kéo xe rất nặng nề, khó nhọc. Khi chết khỏi kiếp lừa lại tái sanh làm con khi đực trong rừng, rồi làm dê đực, làm bò đực, làm kiếp lừa, khi ra khỏi lòng mẹ không bao lâu cũng bị người ta đem thiến. Đây là do tội tà dâm trong kiếp trước.

Sau được tái sanh làm người, thời con bị sanh làm người bán nam bán nữ, rất nhiều kiếp nữa như thế, bây giờ đây con tái sanh làm con của phụ hoàng, lại là thân nữ, do nghiệp quấy khi xưa.

Xin tâu phụ hoàng, thiên đường địa ngục hẳn thật có rõ rệt lắm, xin Ngài tin đi.

Đức vua nghe xong lấy làm thương con lắm, song chưa có thể dứt ác tà kiến, bởi do thân cận với tà sư ngoại đạo.

Công chúa *Rucā* đã hết cách khuyên cha, bèn dùng lời nói chơn thật chú nguyện cầu khấn: "*Chư thiên nam, chư thiên nữ và chư vị phạm thiên, có tuệ nhãn với tâm từ bi rộng lớn, là bậc tịnh giả, (Sappurisa) xin tiếp cứu khổ cha con hết tà kiến.*" Lời cầu nguyện của công chúa cảm ứng đến vị Đại Phạm Thiên *Nārada* là đức Bồ Tát của chúng ta. Ngài có tâm Đại bi vô lượng và có pháp không thiên vị đối với tất cả chúng sanh không phân biệt. Dù Đức vua là người tà kiến, nhưng Ngài cũng hóa thân làm đạo sĩ hiện xuống thuyết pháp cứu độ Vua, để đem hạnh phúc đến cho mọi người.

Khi thấy Phạm Thiên, Đức vua không thể nào ngồi trên bảo tọa được bèn ngự xuống nơi đất mà hỏi rằng:

Ngài có tướng mạo quang minh, sáng chói, Ngài là ai?

- Nay Đại Vương, ta là vị trời Phạm Thiên.

Đức vua ngạc nhiên bèn hỏi rằng:

- Bạch Ngài, cỡi Chư Thiên Phạm Thiên, cỡi này và cỡi khác có thật hay không?

- Nay Đại vương có thật, Đức Đế Thích có thật, người mà không nhìn nhận thiện nghiệp là kẻ vô trí tuệ. Nếu Đại vương không có giới đức, không chân thật, Đại vương có tâm ác, lánh xa thiện pháp, từ trước đến giờ chỉ có si mê, tham sân, theo tà kiến tạo tội ác, thì không sao tránh thoát bốn đường ác đạo sau khi chết, sẽ phải sa vào địa ngục chịu khổ não muôn phần, lâu đời nhiều kiếp.

Rồi vị trời Phạm Thiên Bồ Tát diễn tả những cảnh khổ hải nơi địa ngục cho Đức vua nghe.

Nhờ thần lực của đức Bồ Tát, tất cả nhân dân trong thành *Mithilā* rộng hơn 6 do tuần, đều được nghe đức Bồ Tát *Nārada* giảng đạo. Đại chúng rất hân hoan sung sướng, cho rằng Bồ Tát có nhiều uy lực khiến cho Đức vua có thể bỏ tà kiến được.

Đức vua được nghe Bồ Tát giảng pháp như thế, kinh hãi vô cùng, mong tìm sự nương tựa nơi Bồ Tát, bèn tỏ lời khẩn cầu rằng:

- Tôi đã nhận biết mình là người si mê lầm lạc rồi, tôi rất sợ khổ trong địa ngục. Nay tôi không nơi nương nhờ, ví như người bị chìm thuyền trong biển cả, cầu Ngài từ bi cứu vớt tôi, từ bi thương xót chỉ dẫn tôi, giảng giải con đường trong sạch, để tôi tinh tấn thực hành theo.

Thấy Đức vua đã hối cải ăn năn, bỏ tà theo chánh, đức Bồ Tát bèn chỉ rõ con đường tu hành trong sạch, và dẫn dắt Đức vua như vậy:

Này Đại vương! Các đế vương thời xưa hằng bố thí đến các vị Sa môn, Bà la môn, nên sau khi tan rã ngũ uẩn đều được sanh lên sáu cõi trời Dục giới thiên. Do vậy Đại vương hãy bố thí, nên cho cơm nước, y phục đến những kẻ nghèo, cúng dường đến các vị tu hành chọn chánh. Các trâu, bò, ngựa đã già yếu, Ngài nên cho thả đừng bắt chúng kéo xe. Với những quan quân già yếu, Đại vương phải cho nghỉ ngơi và ban ân huệ nhiều hơn trước. Do phước báu bố thí, Đại vương sẽ được thiên hạ yêu mến quý kính, tương lai sẽ được sanh làm người giàu sang phú túc, của cải dồi dào và được sanh về cõi trời.

Tuy nhiên, trì giới có nhiều quả báu hơn bố thí. Giới làm cho người được tinh khiết khỏi phiền não. Giới có thể giúp chúng sanh thoát khỏi bốn đường ác đạo. Giới cũng giúp chúng sanh đến cõi trời và Níp Bàn.

Hãy chế ngự thân, đừng làm nghiệp dữ, đừng sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Hãy chế ngự miệng đừng nói chuyện nhiều, chỉ nói những lời hữu ích, ngay thật, hiền lành, nhã nhặn. Hãy có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tìm nghe thuyết pháp, đừng để ác pháp phát sanh lên. Hãy tu thiện, đừng để tâm phóng túng theo trần cảnh, tinh tấn tu tập để trí tuệ phát sanh diệt trừ phiền não, nhất là tà kiến, ngã mạn.

Muốn cho các đức tánh ấy mau tiến hóa, cần phải thân cận bậc trí tuệ, làm người dễ dạy, thật tâm vâng theo lời chỉ giáo của các Ngài, đó là điều cần thiết.

Đức Bồ Tát khuyến giáo vua từ bỏ tà kiến như thế, rồi khuyên Đức vua thọ trì Bát quan trai giới. Ngài cũng tỏ lời ngợi khen công chúa và khuyên bảo các cung nữ, rồi Ngài trở về cõi Phạm Thiên.

Khi ấy Đức vua diệt trừ tà kiến, thực hành theo giáo huấn của đức Đại Phạm thiên Bồ Tát *Nārada*. Từ đó, Đức vua dứt của vương sản bố thí luôn khi, nguyện trì giới và tu thiện, sau khi thăng hà vua được sanh lên cõi thiên cung.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [01](#) | 02

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

last updated: 24-06-2005